CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

Ia Pa, 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

Ngày ... tháng ... năm 2023
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH GIA LAI
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng 04 năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quốc Tuấn

Ia Pa, 2023

MỤC LỤC BÁO CÁO

MỤC LỤC BÁO CÁO iii
DANH MỤC VIẾT TẮT vi
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ VÀ BẢNG BIỂU vii
ĐẶT VẤN ĐỀ 1
I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 1
II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU 1
1. Mục đích 1
1.2. Yêu cầu 1
III. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH 2
1. Căn cứ pháp lý: 2
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 3
V. CÁC SẢN PHẨM CỦA KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 4
VI. BỐ CỤC BÁO CÁO 4
PHẦN I: KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI 5
I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN 5
1. Vị trí địa lý: 5
2. Địa hình, địa mạo: 6
3. Điều kiện Khí hậu: 7
II. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 7
1. Về thực trạng phát triển kinh tế. 7
1.1. Về sản xuất nông, lâm, thuỷ sản: 7
1.1.1. Nông nghiệp: 7
1.1.2. Công tác xây dựng nông thôn mới 8
1.1.3. Công quản lý, bảo vệ và phát triển rừng 9
1.2. Công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp 9
2. Thực trạng xã hội: 10
2.1. Về giáo dục đào tạo 10
2.2. Công tác y tế 10
2.3. Về văn hoá - thông tin, phát thanh - truyền hình 11
PHẦN II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 12
I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022: 12
II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022: 15
PHẦN III: LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 22
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT: 22
1. Chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Gia Lai phân bổ cho huyện Ia Pa trong năm Kế hoạch 2023. .. 22
2. Danh mục công trình phân bổ cho huyện Ia Pa trong năm Kế hoạch 2023. 22
II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC: 22

1. Công trình chuyển tiếp: 22
1.1. Công trình chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2022 nhưng còn phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của huyện. 22
1.2. Công trình chưa kêu gọi được đầu tư trong kế hoạch năm 2022 nhưng còn phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của huyện. 24
2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân (đăng ký mới): 25
2.1. Nhu cầu của tổ chức: 25
2.2. Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân: 26
III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT 26
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp: 26
3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa: 27
3.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác: 28
3.1.3. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm: 29
3.1.4. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng phòng hộ: 30
3.1.5. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất: 30
3.1.6. Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản: 31
3.1.7. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp khác: 32
3.2. Chỉ tiêu sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp 33
3.2.1. Đất quốc phòng: 33
3.2.2. Đất an ninh: 33
3.2.3. Đất cụm công nghiệp: 34
3.2.4. Đất thương mại dịch vụ: 34
3.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 35
3.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 35
3.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm: 36
3.2.8. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 36
3.2.9. Đất danh lam thắng cảnh 39
3.2.10. Đất sinh hoạt cộng đồng: 40
3.2.11. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng. 40
3.2.12. Đất ở tại nông thôn: 40
3.2.13. Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 41
3.2.14. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 41
3.2.15. Đất cơ sở tín ngưỡng: 42
3.2.16. Đất có mặt nước chuyên dùng: 42
3.2.17. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 42
3.2.18. Đất phi nông nghiệp khác: 43
3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng 43
IV. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH: 45
V. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI: 48
VI. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG: 48

VII. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT TRONG NĂM 2023: 49
1. Căn cứ pháp lý hình thành các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2023: 49
PHẦN IV: GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 52
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: 52
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT: 53
III. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT: 53
IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC:..... 55
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ..... 57
I. KẾT LUẬN..... 57
II. KIẾN NGHỊ 58
BIỂU SỐ LIỆU..... 59

DANH MỤC VIẾT TẮT

UBND	Ủy ban nhân dân
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
GCN QSDĐ	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
FAO	Tổ chức Nông lương thế giới
QH & TKNN	Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp
WRB	Phương pháp phân loại đất (World Reference Base)
ĐTQHR	Điều tra quy hoạch rừng
BCH	Ban chấp hành
XD NTM	Xây dựng Nông thôn mới
TH	Tiểu học
THCS	Trung học cơ sở
PTTH	Phổ thông trung học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
BCĐ	Ban chỉ đạo
TDTT	Thể dục thể thao
PT-TH	Phát thanh – Truyền hình
CP	Cổ phần
QH	Quy hoạch
KH	Kế hoạch
RPH	Rừng phòng hộ
PTNT	Phát triển nông thôn
BQL	Ban quản lý

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ VÀ BẢNG BIỂU

SƠ ĐỒ:

Sơ đồ 01: Vị trí địa lý huyện Ia Pa 5
Sơ đồ 02: Biểu diễn địa hình huyện Ia Pa 6

BIỂU ĐỒ:

Biểu đồ 01: Diễn biến nhiệt độ trung bình hàng tháng huyện Ia Pa [6] 7
Biểu đồ 02: So sánh nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp các xã 27
Biểu đồ 03: So sánh chỉ tiêu sử dụng đất của năm KH2023 với QH 2030 43

BẢNG BIỂU:

Biểu 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 13
Biểu 02: Danh mục các công trình chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2022 nhưng còn phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của huyện. 22
Biểu 03: Danh mục các công trình nằm trong các Quyết định kêu gọi đầu tư chưa thực hiện, được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2023 24
Biểu 04: Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã 26
Biểu 05: Kế hoạch sử dụng đất trồng lúa phân theo đơn vị hành chính cấp xã 28
Biểu 06: Kế hoạch sử dụng đất trồng cây hàng năm khác 29
Biểu 07: Kế hoạch sử dụng đất trồng cây lâu năm theo đơn vị hành chính cấp xã 30
Biểu 08: Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp theo đơn vị hành chính cấp xã 31
Biểu 09: Kế hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản theo đơn vị hành chính cấp xã 32
Biểu 10: Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp khác theo đơn vị hành chính cấp xã 32
Biểu 11: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã 33
Biểu 12: Kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh theo đơn vị cấp xã 34
Biểu 13: Kế hoạch sử dụng đất TMDV theo đơn vị hành chính cấp xã 34
Biểu 14: Kế hoạch sử dụng đất sản xuất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính cấp xã ... 35
Biểu 15: Kế hoạch sử dụng Đất cho hoạt động khoáng sản và Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm theo đơn vị hành chính cấp xã .....
Biểu 16: Kế hoạch sử dụng đất phát triển hạ tầng theo đơn vị hành chính cấp xã 37
Biểu 17: Kế hoạch sử dụng đất ở nông thôn theo đơn vị hành chính cấp xã 40
Biểu 18: Kế hoạch sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp theo đơn vị hành chính cấp xã 41
Biểu 19: Kế hoạch sử dụng Đất có mặt nước chuyên dùng và Đất sông, suối theo đơn vị hành chính cấp xã 40
Biểu 20: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp khác theo đơn vị cấp xã 40
Biểu 21: Kế hoạch sử dụng đất chưa sử dụng theo đơn vị hành chính cấp xã 43
Biểu 22: So sánh chỉ tiêu sử dụng đất của năm KH2023 với QH 2030 44
Biểu 23: Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 (quy định tại điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai) 45
Biểu 24: Diện tích cần thu hồi năm 2023 48
Biểu 25: Diện tích chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023 48
Biểu 26: Ước tính thu chi từ đất cho năm Kế hoạch 2023 50

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

Chỉ đạo chung:	Ông Huỳnh Văn Trường	- Chủ tịch UBND huyện
	Ông Trần Quốc Tuấn	- Phó Chủ tịch UBND huyện
Chỉ đạo chuyên môn:	Ông Nguyễn Xuân Liêm	- Trưởng phòng TNMT huyện.
Chủ nhiệm dự án:	Ông Nguyễn Ninh Hải	- Giám đốc Công ty H.A.I
Thành viên thực hiện dự án:		
- Chuyên gia QLĐĐ :	Bà Nguyễn Thị Thái Hà	- Ths. Quản lý đất đai
- Chuyên gia địa chính:	Bà Trần Thị Thảo Trang	- Ths. Kỹ thuật Địa chính
- Chuyên gia đô thị:	Ông Nguyễn Tuấn Anh	- Ths. NCS Phát triển đô thị bền vững
- Chuyên gia lâm nghiệp:	Ông Trần Lâm Khương	- Ths. Khoa học môi trường
- Chuyên gia nông nghiệp:	Bà Phạm Thị Lệ Thủy	- Ths. Khoa học cây trồng
- Chuyên gia kinh tế:	Bà Hồ Thị Liên	- Ths. Kinh tế
- Chuyên gia bản đồ:	Ông Nguyễn Đức Thắng	- KS. Công nghệ thông tin.
- Cán bộ hỗ trợ:	Bà Nguyễn Phương Thảo	- KS. Quản lý đất đai.
	Ông Trần Quang Nhất	- KS. Quản lý đất đai.

Hội đồng khoa học (H.A.I Science Council):

- Chủ tịch hội đồng:	Ông Trần Văn Thịnh	- TS Quản lý đất đai
- Thư ký hội đồng:	Ông Nguyễn Thanh Bình	- TS Khoa học cây trồng
- Thành viên:	Ông Nguyễn Minh Kỳ	- TS Quản lý môi trường

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Mục 4 quy định *"Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai"* và tại Điều 45 Khoản 3 quy định *"Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện"*.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, trong sự phát triển hài hoà, cân đối của từng địa phương và của đất nước theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để Nhà nước quản lý thống nhất toàn bộ đất đai theo hiến pháp và pháp luật, đảm bảo đất đai được sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm có vai trò rất quan trọng, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hàng năm là một nội dung mới trong Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các cấp; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sự chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai, cùng với sự giúp đỡ, phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân huyện Ia Pa tổ chức triển khai lập ***"Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai"*** để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện.

- Cụ thể hoá các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2021-2025; bố trí đất đai phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của tỉnh Gia Lai và thể hiện nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch của các ngành, các xã trên địa bàn huyện.

- Làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở trong năm 2023.

- Quản lý chặt chẽ đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn huyện;

1.2. Yêu cầu

- Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch 2023;

- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai năm 2023 trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của cấp huyện.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện:

- Nghị Quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021 – 2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Ia Pa nhiệm kỳ 2021 - 2025;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) tỉnh Gia Lai; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) huyện Ia Pa;

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai;

- Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai;

- Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;

- Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;

- Nghị quyết 399/NQ-HĐND ngày 17/06/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư dự án đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai;

- Quyết định 453/QĐ-UBND ngày 13/07/2022 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia Pa;

- Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 của HĐND huyện về việc Thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Ia Pa;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2022 huyện Ia Pa và các xã;

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND huyện Ia Pa

- Cơ quan chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ia Pa.

- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Gia Lai.

- Cơ quan tư vấn: Công ty TNHH MTV Tư vấn và Chuyển giao công nghệ H.A.I

V. CÁC SẢN PHẨM CỦA KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Tờ trình đề nghị UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt của UBND huyện Ia Pa.
- Báo cáo Thuyết minh tổng hợp và bảng biểu kèm theo.
- Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Gia Lai.
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa;
- Các Bản đồ chuyên đề và báo cáo chuyên đề liên quan (Bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2022; Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án năm 2023; Bản đồ khu vực cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong năm 2023).

VI. BỐ CỤC BÁO CÁO

Bố cục của báo cáo thuyết minh bao gồm các phần sau:

- Đặt vấn đề
- Phần I: Đánh giá thực trạng huyện Ia Pa năm 2022.
- Phần II: Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022.
- Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
- Kết luận và kiến nghị.

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.

1. Vị trí địa lý:

Huyện Ia Pa được thành lập theo theo Nghị định số 104/2002/NĐ-CP ngày 18-12-2002 của Chính phủ, trên cơ sở diện tích và dân số của 9 xã phía bắc sông Ayun huyện Ayun Pa. Huyện nằm trong thung lũng sông Ba thuộc Đông Nam tỉnh Gia Lai, cách trung tâm thành phố Pleiku 104 km;

Huyện năm trong tọa độ địa lý từ $13^0$21'31" đến $13^0$41'28" vĩ độ Bắc và $108^0$17'10" đến $108^0$45'00" kinh độ Đông.

Huyện có ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Mang Yang và huyện Kon Chro;
- Phía Nam giáp thị xã Ayun Pa và huyện Krông Pa;
- Phía Đông giáp huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên;
- Phía Tây giáp huyện Phú Thiện và huyện Chư Sê.

Toàn huyện có 09 xã gồm: xã Pờ Tó, Chư Răng, Kim Tân, Ia Mrơn, Ia Trok, Ia Broăi, Ia Tul, Chư Mố và Ia Kdăm với tổng diện tích tự nhiên là 86.859,54 ha. Trung tâm hành chính huyện thuộc một phần diện tích các xã Kim Tân và Ia Mrơn.

Cửa ngõ để huyện Ia Pa giao lưu kinh tế với các địa phương lân cận là tuyến Quốc lộ Trường Sơn Đông nối tiếp hai vùng kinh tế động lực của tỉnh là thị xã Ayun Pa (nối với Quốc lộ 25 là đầu mối giao thông đến các tỉnh Phú Yên, Đăk Lăk) và thị xã An Khê (nối với Quốc lộ 19 đầu mối giao thông đến các tỉnh Duyên hải miền Trung).

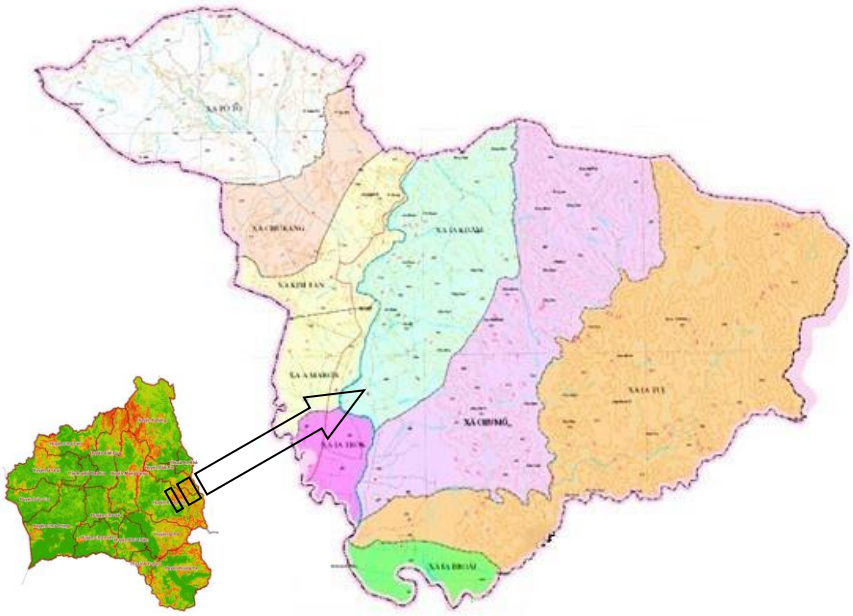

Sơ đồ 01: Vị trí địa lý huyện Ia Pa

2. Địa hình, địa mạo:

Huyện Ia Pa nằm ở phía Bắc ngã ba sông Ba với sông Ayun của thung lũng Cheo Reo. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Trên địa bàn huyện tồn tại 03 dạng địa hình chính: Địa hình núi thấp thuộc dãy Chư Trian; Địa hình gò đồi ở khu vực Trung tâm và phía Tây Bắc huyện; Địa hình đồng bằng thấp ở vùng trũng ven sông Ba.

Sơ đồ 02: Biểu diễn địa hình huyện Ia Pa

Cụ thể như sau:

* *Địa hình núi thấp:* Phân bố tập trung ở khu vực Đông Bắc huyện, thuộc dãy Chư Trian với diện tích 53,8 ngàn ha, chiếm 61,8% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Độ cao trung bình từ 600 - 700m; độ cao lớn nhất là 1260m (đỉnh Kong Wanriom), độ cao nhỏ nhất 200m (thuộc chân núi tiếp giáp với vùng đồng bằng sông Ba). Mức độ chia cắt sâu trung bình từ 180 - 250m, chia cắt ngang khoảng 0,35 – 0,55 km/km^2. Dạng địa hình này có độ dốc trung bình lớn hơn 25^0 với các loại đất chủ yếu là đất xám tầng mỏng 30 – 50cm và đất xói mòn trơ sỏi đá. Thảm thực vật kém phát triển chủ yếu là rừng thưa nửa rụng lá hơi khô, trữ lượng và chất lượng gỗ thấp, độ che phủ không cao.

* *Địa hình gò đồi:* Phân bố chủ yếu ở khu vực Trung tâm và phía Tây Bắc huyện. Diện tích 21,6 ngàn ha, chiếm 24,7% tổng diện tích tự nhiên. Độ cao trung bình từ 108 – 400m, độ cao phổ biến từ 200 – 220m. Địa hình đồi lượn sóng dạng bậc thềm có độ dốc từ 8 – 15^0. Loại đất chủ yếu tồn tại trên dạng địa hình này là đất cát trên nền phù sa cổ tầng dày 50 – 70 cm; ở phía Tây Bắc giáp với vùng rìa cao nguyên là đất nâu thẫm và đất đen trên nền Bazan. Thảm thực vật chủ yếu là rừng khộp nghèo, rừng thưa, cây bụi xen nương rẫy.

* *Địa hình đồng bằng thấp:* Phân bố tập trung vùng ven sông Ba, sông Ayun ở phía Nam huyện và ven suối lớn Đăk PiHiao – Đăk P'Tó; có diện tích 12,67 ngàn ha chiếm 14,5% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Độ cao trung bình từ 160 – 180m đối với khu vực phía Nam ven sông Ba và 180 – 200m đối với khu vực phía Tây Bắc, ven suối Đăk PiHiao – Đăk P'Tó. Dạng địa hình này tương đối bằng phẳng, loại đất chủ yếu là đất phù sa giàu mùn. Thảm thực vật chính trên dạng địa hình này là lúa, hoa màu và các loại cây công nghiệp ngắn ngày. Do có địa hình bằng phẳng, đất đai có độ phì nhiêu cao, thuận lợi cho công tác tưới tiêu, thủy lợi nên hiện tại và lâu dài là vùng sản xuất cây lương thực và cây công nghiệp hàng năm (thuốc lá, sắn, điều, mía,...) tập trung quy mô lớn của huyện.

3. Điều kiện Khí hậu:

Huyện Ia Pa nằm trong tiểu vùng 3 gồm một phần các huyện Kông Chro (các xã Đắk Kơ Ning, Yang Nam, Ya Ma, Yang Trung, Chơ Glong và thị trấn Kông Chro), Chư Pưh (một phần các xã Ia Phang, Ia Le), Chư Sê (xã Hbông) và các huyện Ia Pa, Phú Thiện, Krông Pa và thị xã Ayun Pa [5]. Số liệu khí tượng đo tại trạm Ayun Pa cho thấy huyện có khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa hè, thời kì khô từ 4,1 đến 5,0 tháng. Đây là tiểu vùng khô và nóng nhất của tỉnh với nhiệt độ trung bình năm giai đoạn 1960 - 2000 là 25,6^{0}C, giai đoạn 2001 - 2016 là 26,2^{0}C (có 3 tháng nóng nhiệt độ trung bình trên 28^{0}C). Lượng mưa, ẩm độ không khí thấp hơn so với vùng khác trong tỉnh Gia Lai, nhưng lượng bốc hơi trung bình năm đứng thứ nhất trong toàn tỉnh giai đoạn 1960 - 2000 là 1.260,5 mm, giai đoạn 2001 - 2016 là 1.254,1mm và số giờ nắng trung bình ngày từ 6,4 đến 6,8 giờ .

Biểu đồ 01: Diễn biến nhiệt độ trung bình hàng tháng huyện Ia Pa [6]

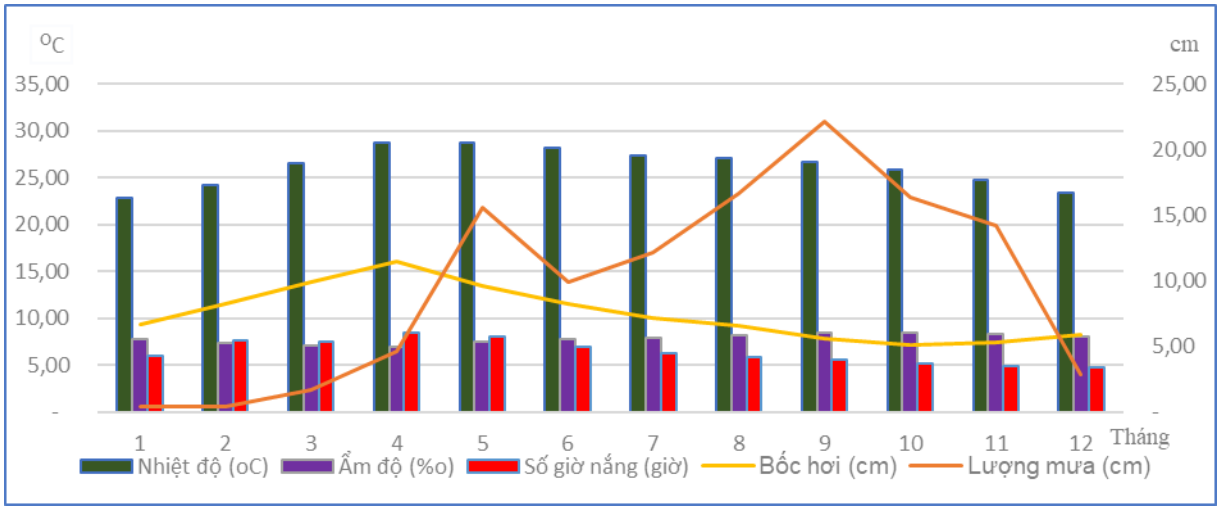

II. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về thực trạng phát triển kinh tế.

1.1. Về sản xuất nông, lâm, thuỷ sản:

1.1.1. Nông nghiệp:

a) Công tác trồng trọt: Năm 2022, toàn huyện gieo trồng 35.578 ha cây trồng các loại *(không tính cây cao su)*. Trong đó: Vụ Đông Xuân 2021-2022 là 11.327 ha, vụ Mùa 24.251 ha.

- Tổng sản lượng lương thực đạt 71.484 tấn *(Thóc: 55.928 tấn)*.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn khuyến cáo, tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, phục vụ nhu cầu thị trường. Kết quả, vụ Đông Xuân 2021-2022, đã thực hiện chuyển đổi hơn 1.740 ha cây trồng các loại. Trong đó: Đất lúa xa kênh mương, không đảm bảo nước tưới chuyển sang trồng thuốc lá, dưa hấu, khoai lang trên 260 ha; đất lúa 01 vụ, đất trồng cây hàng năm khác (sắn, ngô, đậu,…) chuyển sang trồng thuốc lá, dưa hấu, khoai lang hơn 1.470 ha.

- Tình hình sâu bệnh hại cây trồng: Vụ Đông Xuân 2021-2022 có 125 ha/3.100 ha bị nhiễm bệnh khảm lá trên cây sắn tại các xã: Pờ Tó 35 ha, Chư Răng 20 ha, Kim Tân 18 ha, Ia Mrơn 25 ha, Ia Trok 8 ha, Ia Tul 05 ha và Ia Kdăm 14 ha; cây lúa sinh trưởng, phát triển bình thường, tuy nhiên, có 11 ha bị nhiễm rầy nâu *(xã Ia Mrơn 1,5 ha, Ia Trok 2,5 ha và Chư Răng 7 ha).*

b) Công tác chăn nuôi - thú y và phòng, chống dịch bệnh: Trên địa bàn huyện có trên 6.500 hộ và 05 trang trại chăn nuôi, tổng đàn vật nuôi 368.937 con. Trong đó: Heo 73.000 con, bò 35.740 con, dê 8.500 con, trâu 1.197 con; gia cầm các loại 250.500 con.

c) Công tác thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai:

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các xã hướng dẫn nạo vét bể hút, kênh dẫn, duy tu, sửa chữa kênh mương nội đồng và vệ sinh đồng ruộng để đảm bảo tổ chức sản xuất tốt vụ Đông Xuân 2021 - 2022 và vụ Mùa 2022; triển khai các công trình kiên cố hóa kênh mương nội đồng bằng nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi năm 2022 và nguồn vốn bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2022 tại các xã Ia Trok, Ia Tul, Ia Mrơn, Ia Kdăm.

- Tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021, triển khai nhiệm vụ năm 2022; ban hành kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai năm 2022.

- Tiếp nhận 42,55 tấn giống lúa từ nguồn Quốc gia hỗ trợ tỉnh Gia Lai, cấp phát cho các hộ dân bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2021, để gieo sạ vụ Mùa 2022; báo cáo và đề xuất hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra 8 tháng đầu năm 2022. Theo đó, trên địa bàn huyện chịu ảnh hưởng của 02 đợt mưa với cường độ lớn gây thiệt hại về sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng. Cụ thể: (1) Về sản xuất nông nghiệp có 715,23 ha cây trồng các loại bị ảnh hưởng; (2) Về cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi bị sạt lở cục bộ 05 điểm đường giao thông nội đồng tại các xã Chư Mố và Ia Kdăm, ngập 05 tổ máy bơm tại 02 trạm bơm điện xã Ia Broăi; sạt lở 10m kênh nội đồng thuộc Trạm bơm điện Ia Kdăm.

1.1.2. Công tác xây dựng nông thôn mới

Ban hành kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2022, kế hoạch xây dựng xã Kim Tân đạt chuẩn nông thôn mới và kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP 2022; chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới, làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022. Đồng thời, UBND huyện đang chỉ đạo quyết liệt việc triển khai hoàn thành các tiêu chí đã đăng ký, phấn đấu cuối năm 2022, toàn huyện đạt thêm 11 tiêu chí, củng cố lại 08 tiêu chí[(1)]. Kết quả: Đến nay, xã Chư

[(1)] Gồm: **Xã Pờ Tó** phấn đấu đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm, củng cố tiêu chí số 10 về Thu nhập. **Xã Chư Răng** phấn đấu đạt tiêu chí số 17. **Xã Kim Tân** phấn đấu hoàn thành 04 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 10, tiêu chí số 11 về Hộ nghèo, tiêu chí số 17, tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; củng cố tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất, để cuối năm 2022 đạt chuẩn nông thôn mới. **Xã Ia Mrơn** củng cố tiêu chí số 11 và tiêu chí số 15 về Y tế. **Xã Ia Trok** phấn đấu đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa và tiêu chí số 17. **Xã Ia Broăi** phấn đấu đạt tiêu chí số 18. **Xã Ia Tul** củng cố tiêu chí số 10, tiêu chí số 11 và tiêu chí số 15. **Xã Chư Mố** phấn đấu đạt

Mố đạt thêm tiêu chí số 3, xã Ia Kdăm đạt thêm tiêu chí số 5, các xã còn lại phấn đấu đạt các tiêu chí đã đăng ký vào cuối năm 2022. Riêng xã Kim Tân, đã củng cố xong tiêu chí số 13, phấn đấu hoàn thành các tiêu chí chưa đạt và hoàn chỉnh hồ sơ minh chứng theo bộ tiêu chí mới, các văn bản hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương, tỉnh. Xã Ia Tul, Ia Mrơn đang đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hộ dân thoát nghèo, người dân tham gia bảo hiểm y tế, phát triển kinh tế nhằm giữ vững xã chuẩn nông thôn mới. Các chủ thể đăng ký tham gia sản phẩm OCOP đang hoàn tất các hồ sơ, thủ tục để trình Hội đồng cấp huyện xem xét, đánh giá phân hạng vào cuối năm 2022.

1.1.3. Công quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Thường xuyên chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng tăng cường tuần tra, kiểm soát tại một số vùng trọng điểm thường xảy ra các hành vi phá rừng, khai thác, vận chuyển, chế biến, mua, bán, tàn trữ lâm sản trái pháp luật.

Điều chuyển nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch giao rừng năm 2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh từ Hạt Kiểm lâm sang Phòng Tài nguyên và Môi trường; Thường trực HĐND huyện đã có kết luận tại Văn bản số 43/KL-HĐND ngày 08/3/2022.

Thực hiện Kế hoạch trồng cây phân tán số 26/KH-UBND ngày 24/02/2022, Kế hoạch trồng rừng số 39/KH-UBND ngày 14/3/2022. Kết quả triển khai đến nay, như sau:

- **Trồng rừng**: Người dân trên địa bàn các xã Pờ Tó, Chư Răng và Kim Tân đã tự kê khai diện tích đất để làm thủ tục đăng ký trồng rừng với 277,07ha/111hộ[(2)].

- **Trồng cây phân tán**: Nhân dân các xã tự mua cây giống và trồng khoản 58.300 cây. Trong đó: Xã Pờ Tó 27.000 cây Bạch đàn, Chư Răng 10.200 cây Bạch đàn, Kim Tân 4.800 cây Bạch đàn, Ia Mrơn 14.300 cây, Hội Phụ nữ huyện hỗ trợ 2.000 cây.

Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng bố trí lực lượng tăng cường công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng, triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp PCCCR. Đã kiện toàn 11 Ban chỉ huy PCCCR các cấp, 35 tổ và 15 đội quần chúng tham gia PCCCR; các cơ quan chức năng đang tích cực triển khai công tác PCCCR mùa khô năm 2022; tổ chức rà soát, kê khai đất lâm nghiệp bị lấn chiếm để trồng rừng theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.

1.2. Công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp

Trong 9 tháng đầu năm, giá trị sản xuất Công nghiệp - TTCN ước đạt 162,2 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010) bằng 79,8% so với kế hoạch và bằng 144,8% so với cùng kỳ năm 2021. Các sản phẩm Công nghiệp - TTCN chủ yếu khu vực ngoài quốc doanh

---

tiêu chí số 3 về Thủy lợi và tiêu chí số 17, củng cố tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư. **Xã Ia Kdăm** phấn đấu đạt tiêu chí số 5 về Trường học.

(2) Qua kiểm tra rà soát vị trí, đối chiếu với Quy hoạch 3 loại rừng của các hộ dân tự kê khai diện tích, kết quả diện tích nằm trong quy hoạch 3 loại rừng, cụ thể: Xã Pờ Tó **189,82ha/69hộ** *(43,22ha/24hộ trong quy hoạch, 146,6ha/45hộ ngoài quy hoạch)*; Xã Chư Răng 34,2ha/9hộ *(10ha/4hộ trong quy hoạch, 24,2ha/5hộ ngoài quy hoạch).* Xã Kim Tân 53,05ha/33hộ *(36,4ha/29hộ trong quy hoạch, 16,65ha/4hộ ngoài quy hoạch)*.

Trong đó: Sản lượng của một số sản phẩm chính: Tinh bột sắn 15.247 tấn; xay xát gia công 50.800 tấn; khai thác cát, sỏi 72.000 m3; đá xây dựng 55.200 m3; sản xuất điện mặt trời 22.136.273 kwh.

Lưu lượng vận chuyển hàng hoá và hành khách trên địa bàn huyện tăng so với cùng kỳ năm 2021, do dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, bình thường hóa, kinh tế dần phục hồi và phát triển(3).

2. Thực trạng xã hội:

2.1. Về giáo dục đào tạo

Kết thúc năm học 2021-2022, toàn ngành giáo dục có 28 đơn vị trường học *(trừ bậc THPT)*, 386 lớp với 11.828 học sinh(4). Tỷ lệ duy trì sĩ số 99,1%. Tỷ lệ huy động học sinh từ 3-5 tuổi đến trường 2.743/3.265 trẻ, đạt 84%. Tỷ lệ học sinh 6 tuổi học lớp 1 đạt 99%. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS đạt 85%. Tỷ lệ học sinh tốt nhiệp THCS năm học 2021-2022 Hệ phổ thông đạt 98,66% *(662/671 học sinh),* Hệ GDTX đạt 100% (87/87 học sinh).

2.2. Công tác y tế

Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên chỉ đạo công tác chăm sóc, nâng cao sức khoẻ cho người dân trên địa bàn huyện; thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Tích cực chủ động triển khai thực hiện các biện pháp, phòng chống dịch ở mức cao nhất nhằm nhanh chóng khống chế dịch bệnh. Đến nay, dịch COVID-19 trên địa bàn huyện tiếp tục được kiểm soát tốt. Công tác khám, chữa bệnh cho người dân được ngành y tế đặc biệt quan tâm(5).

Công tác tiêm phòng vắc xin được chỉ đạo quyết liệt. Ước đến 30/9/2022, toàn huyện tiêm vắc xin phòng dịch Covid-19 cho các nhóm đối tượng, tổng cộng là 128.998 liều/48.115 người(6).

Từ ngày 15/4/2022 đến nay, Trung tâm Y tế huyện đã triển khai mô hình bệnh viện huyện tách đôi *"Vừa khám, chữa bệnh, điều trị nội trú, vừa điều trị bệnh nhân Covid-19"*; đảm bảo thuốc, vật tư, hóa chất phục vụ cho hoạt động khám, chữa bệnh

---

(3) Cụ thể:

- Khối lượng vận chuyển hàng hoá đạt 332.000 tấn *(Tăng 137.000 tấn so với cùng kỳ năm 2021)*; Khối lượng luân chuyển hàng hoá đạt 31.500.000 tấn.km *(Tăng 7.900.000 tấn.km so với cùng kỳ năm 2021).*

- Khối lượng vận chuyển hành khách 7.980.000 hành khách *(Tăng 7.134.034 hành khách so với cùng kỳ năm 2021)*; Khối lượng luân chuyển hành khách 182.080.000 hành khách.km *(Tăng 70.616.654 hành khách.km so với cùng kỳ năm 2021).*

(4) Trong đó: Mầm non 87 lớp/2.749 học sinh; Tiểu học 205 lớp/5.883 học sinh; Trung học cơ sở 94 lớp/3.196 học sinh. So với đầu năm học, giảm 14 lớp nhưng tăng 215 học sinh.

(5) - Số lượt khám: Tại Bệnh viện huyện 9.112/5.400 lượt, đạt 169% KH; tại trạm Y tế các xã 11.342/20.700 lượt, đạt 55 % KH. *Trong đó: Khám BHYT ở Tuyến huyện 7.028, Y tế xã 11.342; Khám cho đối tượng trẻ em < 6 tuổi 2.458.*

- Bệnh điều trị nội trú: Tổng số bệnh điều trị nội trú 1.277/1.767, đạt 72 % KH. Tỷ lệ bệnh điều trị khỏi đạt 67%. Tổng số ngày điều trị nội trú: 6948 ngày đạt 81 % KH. Số ngày điều trị trung bình của bệnh nhân nội trú tại bệnh viện: 5,4 ngày/BN. Công suất sử dụng giường bệnh tại bệnh viện: đạt 81 % KH .

(6) Cụ thể: Đủ 18 tuổi trở lên 104.568 liều/34.096 người; từ đủ 12 - dưới 18 tuổi 13.447 liều/3.036 người; từ đủ 5 - dưới 12 tuổi 10.983 liều/8.103 người.

và phòng, chống dịch; kiểm soát nhiễm khuẩn được thực hiện tốt, không xảy ra lây nhiễm chéo trong bệnh viện; thực hiện tốt công tác, quản lý chất thải, vệ sinh môi trường y tế.

2.3. Về văn hoá - thông tin, phát thanh - truyền hình

Tổ chức thành công Đại hội thể dục, thể thao cấp huyện lần thứ V năm 2022; trình Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Đề án phát triển du lịch cộng đồng gắn với Đề án 02-ĐA/HU của Huyện ủy và chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, du lịch trên địa bàn huyện Ia Pa năm 2022 gắn với kế hoạch phát triển du lịch huyện Ia Pa giai đoạn 2021-2025.

Triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022. Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai năm 2022.

Trong 9 tháng đầu năm, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện đã quan tâm tổ chức các hoạt động tuyên truyền hưởng ứng, cổ động các sự kiện thường niên; duy trì nghiêm túc thời gian, thời lượng tiếp phát sóng các chương trình của Đài THVN, Đài tiếng nói Việt Nam và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Gia Lai, với tổng số 1.790 giờ; sản xuất 946 tin, 160 phóng sự phát trên sóng phát thanh tuyến huyện; sản xuất 18 chuyên trang phát thanh và truyền hình phát sóng đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai; biên dịch 76 chương trình tiếng Jrai, 456 tin, 76 bài.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022:

Kế hoạch sử dụng đất của của huyện Ia Pa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 13/07/2022 của UBND tỉnh Gia Lai. Sau khi Kế hoạch sử dụng đất được duyệt, phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND huyện Ia Pa công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai[7]. Tài liệu được công khai tại Trụ sở UBND huyện, tại Phòng Tài nguyên và Môi trường và đăng tải trên website của UBND huyện. Tài liệu công khai gồm có: (1)- Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 13/07/2022 về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia Pa; (2)- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất 2022 và (3)- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, UBND các xã, tập trung triển khai các dự án đã đăng ký thực hiện, kết quả như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất:

1.1. Đối với nhóm đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp năm 2022 theo kế hoạch được phê duyệt là 79.053,97 ha. Hiện trạng đã thực hiện là 79.893,68 ha, cao hơn 839,71 ha, đạt 101,06% so với kế hoạch được duyệt.

Biểu đồ 02:
So sánh chỉ tiêu Kế hoạch được phê duyệt và thực hiện năm 2021 nhóm đất nông nghiệp

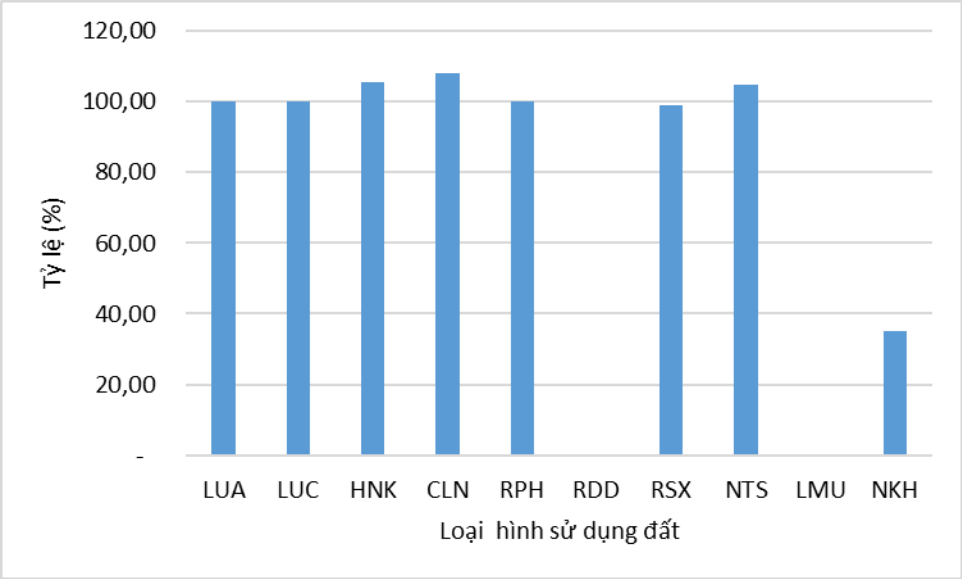

Cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 7.173,07 ha. Hiện trạng thực hiện là 7.228,32 ha, cao hơn 55,25 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên

[7] Đường link website công khai: https://iapa.gialai.gov.vn/chuyen-muc/Quy-hoach-Ke-hoach-(1).aspx

nhân: Do nguồn vốn đầu tư thực hiện một số công trình, dự án có sử dụng đất lúa chưa thực hiện (Đường liên xã Ia Mrơn đi Ia Yeng (nhánh 1) đi xã Ia Yeng; Đường liên xã Ia Broăi đi Chư Mố; Dự án hồ thủy lợi Ia Thul; … nên diện tích đất lúa chưa được thu hồi để chuyển mục đích sang các mục đích khác. Vì vậy, diện tích đất lúa hiện trạng lớn hơn diện tích đất lúa theo kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 21.239,38 ha. Hiện trạng thực hiện là 22.492,99 ha, cao hơn hơn 1.253,61 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nguồn vốn đầu tư thực hiện một số công trình, dự án có sử dụng đất trồng cây hàng năm khác chưa thực hiện như: Dự án Cụm công nghiệp huyện (35 ha); Dự án hồ chứa nước Ia Thul (546,65 ha); Các dự án về giao thông (17,81 ha); …Vì vậy, diện tích đất trồng cây hàng năm khác hiện trạng cao hơn diện tích theo kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 3.826.40 ha. Hiện trạng thực hiện là 3.835,22 ha, cao hơn 8,82 ha so với kế hoạch được duyệt. Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch 2022 dự án Hồ chứa nước Ia Thul (8,07 ha) chưa thực hiện. Ngoài ra, còn có nguyên nhân là chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp từ các loại đất khác sang đất trồng cây lâu năm dẫn đến đất trồng cây lâu năm có sự chênh lệch.

- Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 5.168,40 ha. Hiện trạng thực hiện là 5.168,40 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng sản xuất: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 40.931,19 ha. Hiện trạng thực hiện là 41.041,19 ha, cao hơn 110 ha, đạt 100,27% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một số dự án chưa thực hiện như: Hồ thủy lợi Ia Thul (72,98 ha); Dự án thu hút đầu tư du lịch núi Chư Mố (37 ha);… Vì vậy, diện tích đất rừng sản xuất hiện trạng cao hơn diện tích theo kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 43,27 ha. Hiện trạng thực hiện là 43,33 ha, cao hơn 0,06 ha.

- Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 672,26 ha. Hiện trạng thực hiện năm 2022 là 84,23 ha, thấp hơn 588,02 ha, đạt 12,53% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhiều dự án đăng ký nhưng chưa thực hiện, gồm: Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Hiệp Phát Cao Nguyên; Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Farm Tech; Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Hiệp Kiến Phát; Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Hùng Phát Farm; Dự án chăn nuôi heo công nghệ cao My Anh Gia Lai; Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Hoàng Quân Farm; Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Minh Khang; Trang trại chăn nuôi heo thịt kết hợp chăm sóc cây cao su.

1.2. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:

Đất phi nông nghiệp năm 2022 theo kế hoạch được phê duyệt là 4.860,25 ha. Hiện trạng đã thực hiện là 3.999,30 ha, thấp hơn 860,95 ha, đạt 82,29% so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 27,77 ha. Hiện trạng thực hiện là 27,71 ha, đạt 99,79% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 2,88 ha. Hiện trạng thực hiện là 3,11 ha, cao hơn 0,23 ha, đạt 107,82% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch đã thực hiện được 03 dự án là Trụ sở công an xã Ia Broăi, Trụ sở công an xã Ia Trok và Trụ sở công an xã Ia Tul;

- Đất cụm công nghiệp: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 30 ha. Hiện trạng thực hiện là 0 ha. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện được dự án Cụm công nghiệp tại xã Pờ Tó.

- Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 2,51 ha. Hiện trạng thực hiện năm 2022 là 2,01 ha, thấp hơn 0,50 ha, đạt 79,98%. Nguyên nhân do dự án chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ thuộc tờ bản đồ số 06,15 chưa thực hiện.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 139,68 ha. Hiện trạng thực hiện là 104,68 ha, thấp hơn 35 ha, đạt 74,94% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhiều dự án nằm trong danh mục kêu gọi đầu tư của tỉnh và huyện chưa thu hút được nhà đầu tư như: Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm; Dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ; Dự án đầu tư nhà máy sản xuất phân bón vi sinh…

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 38,53 ha. Hiện trạng năm 2022 là 38,53 ha, đạt 100% kế hoạch.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 17,51 ha. Hiện trạng thực hiện là 12,88 ha, thấp hơn 4,63 ha, đạt 73,57% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một phần diện tích chuyển sang đất hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của ngành Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh đó, các dự án đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trong năm kế hoạch 2022 chưa thực hiện được. Vì vậy, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

- Đất phát triển hạ tầng các cấp: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 1.870,02 ha. Hiện trạng thực hiện là 1.028,86 ha, thấp hơn 841,16 ha, đạt 55,02% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do chưa thực hiện được dự án Hồ chứa nước Ia Thul.

- Đất danh lam thắng cảnh: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 49 ha. Hiện trạng thực hiện là 0 ha, đạt 0% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do các dự án kêu gọi đầu tư chưa thực hiện được như: Khu du lich làng BLôm; Khu du lịch núi Chư Mố; Khu du lịch khu vực suối Tul; Khu du lịch thác Voi.

- Đất ở nông thôn: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 721,01 ha. Hiện trạng thực hiện là 720,57 ha, thấp hơn 0,44 ha, đạt 99,94% so với kế hoạch được duyệt. Nhìn chung chỉ tiêu đất ở tại nông thôn đạt so với kế hoạch được phê duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 21,13 ha. Hiện trạng thực hiện là 21,12 ha, thấp hơn 0,01 ha, đạt 99,96% so với kế hoạch được.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Kế hoạch được phê duyệt 2022 là 2,37 ha. Hiện trạng thực hiện là 2,37 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch phê duyệt 2022 là 0,05 ha. Hiện trạng năm 2022 là 0,05 ha, đạt 0,95% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 1.885,43 ha. Hiện trạng thực hiện là 2.020,06 ha, cao hơn 124,63 ha, đạt 107,14% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do chưa thực hiện dự án thủy lợi Ia Thul.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch 2022 là 17,36 ha, Hiện trạng năm 2022 là 17,36 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

1.3. Đối với đất chưa sử dụng:

Kế hoạch được phê duyệt năm 2022 là 2.945,33 ha. Hiện trạng thực hiện là 2.966,56 ha, cao hơn 21,23 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án trồng rừng chưa được thực hiện.

Biểu 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch 2022 được duyệt		Kết quả thực hiện 2022		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**86.859,54**	**100,00**	**86.859,54**	**0,00**	**100**
1	**Đất nông nghiệp**	**79.053,97**	**91,01**	**79.893,68**	**839,71**	**101,06**
1.1	Đất trồng lúa	7.173,07	8,26	7.228,32	55,25	100,77
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*3.476,98*	4,00	*3.499,24*	*22,26*	*100,64*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	21.239,38	24,45	22.492,99	1.253,61	105,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	3.826,40	4,41	3.835,22	8,82	100,23
1.4	Đất rừng phòng hộ	5.168,40	5,95	5.168,40	0,00	100,00
1.5	Đất rừng sản xuất	40.931,19	47,12	41.041,19	110,00	100,27
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	43,27	0,05	43,33	0,06	100,13
1.7	Đất nông nghiệp khác	672,26	0,77	84,23	-588,02	12,53
2	**Đất phi nông nghiệp**	**4.860,25**	**5,60**	**3.999,30**	**-860,95**	**82,29**
2,1	Đất quốc phòng	27,77	0,03	27,71	-0,06	99,79
2,2	Đất an ninh	2,88	0,00	3,11	0,23	107,82
2,3	Đất khu công nghiệp	-	-	-	0,00	-
2,4	Đất khu chế xuất	-	-	-	0,00	-
2,5	Đất cụm công nghiệp	30,00	0,03	-	-30,00	-
2,6	Đất thương mại, dịch vụ	2,51	0,00	2,01	-0,50	79,98

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch 2022 được duyệt		Kết quả thực hiện 2022		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
2,7	Đất sản xuất phi nông nghiệp	139,68	0,16	104,68	-35,00	74,94
2,8	Đất cho hoạt động khoáng sản	38,53	0,04	38,53	0,00	-
2,9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.870,02	2,15	1.028,86	-841,16	55,02
	Trong đó:					
-	*Đất giao thông*	*819,45*	0,94	*827,56*	8,11	100,99
-	*Đất thủy lợi*	*909,36*	1,05	*64,67*	-844,69	7,11
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*7,61*	0,01	*7,61*	0,00	99,95
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*5,31*	0,01	*5,31*	0,00	100,04
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*37,24*	0,04	*37,30*	0,06	100,16
-	*Đất xây dưng cơ sở thể thể dục thể thao*	*14,89*	0,02	*14,89*	0,00	99,99
-	*Đất công trình năng lượng*	*0,39*	0,00	*0,01*	-0,38	2,66
-	*Đất công trình bưu chính, viễn thông*	*0,48*	0,00	*0,48*	0,00	100,18
-	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	-	-	-	-	-
-	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	-	-	-	*0,00*	-
-	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*6,32*	*0,01*	*6,32*	*0,00*	*100,04*
-	*Đất cơ sở tôn giáo*	*4,17*	*0,00*	*2,88*	*-1,29*	*69,18*
-	*Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa*	*60,89*	*0,07*	*60,89*	*0,01*	*100,01*
-	*Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ*	-	-	-	-	-
-	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	-	-	-	-	-
-	*Đất chợ*	*3,90*	*0,00*	*0,93*	*-2,97*	*23,84*
2,11	Đất danh lam thắng cảnh	49,00	0,06	-	-49,00	-
2,12	Đất ở tại nông thôn	721,01	0,83	720,57	-0,44	99,94
2,13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	21,13	0,02	21,12	-0,01	99,96
2,14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức SN	2,37	0,00	2,37	0,00	100,12
2,15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm	17,51	0,02	12,88	-4,63	73,57
2,16	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,05	0,00	0,05	0,00	101,38
2,17	Đất cơ sở tín ngưỡng	-	-	-	0,00	-
2,18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.885,43	2,17	2.020,06	134,63	107,14
2,19	Đất có mặt nước chuyên dùng	17,36	0,02	17,36	0,00	99,97
2,20	Đất phi nông nghiệp khác	35,00	0,04	-	-35,00	-
3	**Đất chưa sử dụng**	**2.945,33**	**3,39**	**2.966,56**	**21,23**	**100,72**

Biểu 02: Tổng hợp danh mục các công trình,dự án có thu hồi đất quan trọng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đã thực hiện trong năm kế hoạch 2022:

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Mở rộng đường liên xã phía Đông sông Ba	-	Các xã Ia Broăi, Ia Tul, Chư Mố, Ia Kdăm
2	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai	5,0	Bôn Jứ, xã Ia Broăi

Biểu 03: Tổng hợp danh mục các công, dự án có thu hồi đất nhưng chưa thực hiện trong năm kế hoạch 2022

TT	Tên công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Trụ sở làm việc Công an xã	0,10	Xã Ia Broăi
2	Thủy lợi Ia Thul	845	Xã Ia Tul, xã Chư Mố, xã Ia Kdăm, xã Ia Broăi
3	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020	0,80	Các xã

Biểu 04: Tổng hợp danh mục các công trình kêu gọi đầu tư chưa thực hiện trong năm 2022.

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích(ha)
1	Dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng	Toàn huyện	100,00
2	Dự án dân cư trung tâm huyện	Xã Kim Tân, Ia Mrơn	9,90
3	Dự án đầu tư xây dựng Chợ hạng II	Xã Ia Mrơn	2,96
4	Dự án đầu tư xây dựng Bến xe loại IV	Xã Ia Mrơn	1,45
5	Dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ	Xã Pờ Tó	10,0
6	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất phân bón vi sinh	Xã Pờ Tó	5,0
7	Dự án đầu tư nhà máy chế biến thuốc lá	Xã Pờ Tó	10,0
8	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn gia súc	Xã Pờ Tó	10,0

Biểu 05: Các dự án đưa ra khỏi Kế hoạch sử dụng đất.

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích(ha)
1	Dự án Cụm Nhà máy điện gió số 01 huyện Ia Pa	Xã Pờ Tó, Chư Răng, Kim Tân	100
2	Dự án Cụm Nhà máy điện gió số 02 huyện Ia Pa		100

2. Kết quả thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án:

2.1. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022:

Trong năm 2022 đã thực hiện dự án đường giao thông nội đồng thôn 2 xã Pờ Tó, các hộ dân tự nguyện hiến tặng đất để thực hiện.

2.2. Kết quả thực hiện giao đất năm 2022:

Trong năm 2022 đã thực hiện giao rừng gắn với giao đất theo Quyết định *số 914/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Phê duyệt kế hoạch giao rừng năm 2022 trên địa bàn huyện Ia Pa*. Cụ thể: xã Pờ Tó (562,71ha); Chư Răng (244,04 ha).

2.3. Kết quả thực hiện cho thuê đất năm 2022:

Trong năm 2022 đã trên địa bàn huyện được UBND tỉnh thu hồi 5.400.124 m2 đất của Ban quản lý rừng phòng hộ Ia Tul và cho Công ty TNHH TM Việt Stone Gia Lai thuê đất để thực hiện Dự án trồng rừng sản xuất tại xã Ia Tul, huyện Ia Pa (theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai).

2.4. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022:

Trong năm 2022, đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp theo Điểm d Khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013 là 0,73 ha, đạt 30,62%, chủ yếu chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở. Phần lớn diện tích các dự án chưa thực hiện được như Thủy điện Hưng Long, thủy lợi Ia Thul, dự án điện gió, các dự án trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao chưa thực hiện được….Do đó, tỷ lệ đạt được so với Kế hoạch được phê duyệt rất thấp.

Biểu 06: Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
			Xã Ia Trok	Xã Ia Mrơn	Xã Kim Tân	Xã Chư Răng	Xã Pờ Tó	Xã Ia Broăi	Xã Ia Tul	Xã Ia Kdăm	Xã Chư Mố
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất ở tại nông thôn**										
	Năm 2021 được phê duyệt	2,40	0,26	0,48	0,33	0,24	0,30	0,20	0,20	0,20	0,19
	Kết quả thực hiện	0,73	0,07	0,24	0,14	0,05	0,05	0,07	0,05	0,08	-
	Chỉ tiêu sử dụng đất còn lại	***1,67***	***0,20***	***0,24***	***0,19***	***0,19***	***0,25***	***0,14***	***0,16***	***0,12***	***0,19***

3. Kết quả thực hiện kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022:

Không.

4. Tình hình nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và nguồn chi cho bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong năm 2022.

4.1. Tình hình nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng nguồn thu: 12,178 tỷ đồng, trong đó:

-Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: 9,638 tỷ đồng (thu từ công tác đấu giá năm 2021 chuyển qua);

- Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất: 2,178 tỷ đồng;

- Thu từ thuê quyền sử dụng đất: 0,362 tỷ đồng.

4.2. Nguồn chi cho bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong năm 2022

Trong năm 2022, huyện đang thực hiện thu hồi đất, để thực hiện công trình đường tràn qua thao trường huấn luyện và khu sản xuất xã Pờ Tó, dự kiến nguồn chi cho công tác bồi thường là 750.000.000 đồng.

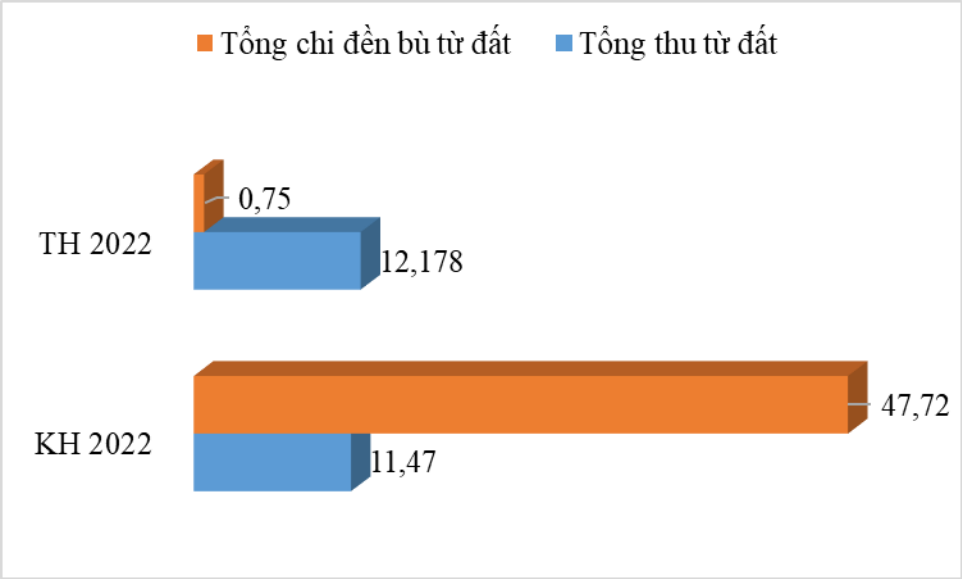

Biểu đồ 03: So sánh tình hình nguồn thu từ giao đất và nguồn chi cho bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong năm 2022

5. Về hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

- Kết quả thực hiện trong năm 2022 cho thấy, kế hoạch sử dụng đất là tài liệu hết sức cơ bản trong việc xác định vị trí, quy mô, định mức sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phục vụ cho việc đầu tư, xây dựng công trình; giúp UBND huyện quản lý chặt chẽ công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp, nhất là trong việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác. Đây cũng là giải pháp nhằm hạn chế tình trạng sử dụng đất trái phép của hộ gia đình, cá nhân trong thời gian vừa qua.

- Diện tích đất nông nghiệp, đất trồng lúa trong năm kế hoạch 2022 đã được quản lý chặt chẽ và ngày càng tăng, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đạt

hiệu quả, không để xảy ra tình trạng chuyển mục đích trái phép đất nông nghiệp với quy mô lớn. Kế hoạch thu hồi đất được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai, diện tích, các loại đất được thu hồi cũng như giao đất theo đúng kế hoạch đề ra.

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022:

1. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Nhiều công trình, dự án đã có vốn đầu tư, nhưng công tác lập các thủ tục để triển khai dự án như công tác đấu thầu còn gặp nhiều khó khăn, cần nhiều thời gian,vì vậy ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án;

- Nhiều trường hợp lập kế hoạch đúng, rất cần thiết, có lộ trình thực hiện, nhưng do ngân sách đầu tư không đảm bảo hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai đã phải dừng lại, nhất là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của nhiều hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức còn bị động do không chủ động được nguồn vốn đầu tư. Nhiều công trình, dự án được Thủ tướng chấp thuận đầu tư, nhiều dự án rất cần thiết với tình hình thực tế, nhưng vì nhiều lý do mà vẫn chưa thực hiện được *(Dự án thủy lợi Ia Thul)*;

- Một số dự án đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa được rà soát chặt chẽ về hiện trạng, diện tích đất, năng lực nhà đầu tư, tính khả thi, hiệu quả của dự án; nhiều dự án chưa đảm bảo đầy đủ các thủ tục theo quy định, một số dự án chỉ mới thực hiện bước thỏa thuận, nghiên cứu đầu tư đã tiến hành đăng ký thực hiện vào kế hoạch *(dự án Dự án trồng rừng Thiên Sơn Công ty TNHH Lâm nghiệp Thiên Sơn; Dự án trồng rừng Việt Stone ty TNHH Việt Stone Gia Lai; Dự án Cụm Nhà máy điện gió số 01 huyện Ia Pa; Dự án Cụm Nhà máy điện gió số 02 huyện Ia Pa; Cụm công nghiệp huyện; ...)*. Do đó, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đạt khá thấp;

- Việc đăng ký chỉ tiêu sử dụng đất còn chậm, chưa sát với thực tế. Một số dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất không phù hợp với khả năng và tiến độ thực hiện *(dự án Dự án đầu tư chăn nuôi heo của Công ty Hiệp Phát Cao nguyên; Dự án trồng rừng sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp du lịch sinh thái (Công ty TNHH Bee Tree).; Trang trại chăn nuôi heo thịt kết hợp chăm sóc, phát triển cây cao su-Cty TNHH MTV Chăn nuôi heo Trung Nguyên, nay là Công Ty CP NN Trường Hải;...)*; một số dự án được giao đất, cho thuê đất chậm triển khai dẫn đến nhiều bất cập trong quản lý, sử dụng và tạo ra sự chênh lệch giữa thực tế so với quy hoạch sử dụng đất đã lập.

2. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2022

Nguyên nhân chính dẫn đến các tồn tại trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là do thiếu nguồn vốn và cơ sở pháp lý để triển khai dự án, thể hiện ở một số khía cạnh sau:

- Do những nhu cầu phát sinh trong tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương dẫn đến một số dự án cần thực hiện sớm hơn kế hoạch hoặc một số dự án chưa đủ điều kiện thực hiện ngay trong năm kế hoạch.

- Do năng lực nhà đầu tư, tính khả thi, hiệu quả của dự án;

- Thiếu vốn đầu tư đồng bộ, vốn ngân sách gặp nhiều khó khăn và nhất là vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới còn rất hạn chế. Vì vậy, chưa đưa ra được các giải pháp thực hiện đồng bộ và triệt để nên một số chỉ tiêu quy hoạch thực hiện chậm và kéo dài.

- Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chuyên ngành chưa được tiến hành đồng bộ, các quy hoạch chuyên ngành như nông nghiệp, xây dựng, giao thông, v.v...

- Do ảnh hưởng của vùng khảo sát dự án điện gió tại 3 xã Pờ Tó, Chư Răng và Kim Tân nên nhiều dự án nằm trên địa bàn 3 xã này chưa thể triển khai thực hiện.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT:

1. Chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Gia Lai phân bổ cho huyện Ia Pa trong năm Kế hoạch 2023.

(Sẽ cập nhật khi có số liệu phân bổ.)

2. Danh mục công trình phân bổ cho huyện Ia Pa trong năm Kế hoạch 2023.

(Sẽ cập nhật khi có số liệu phân bổ.)

II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC:

1. Công trình chuyển tiếp:

1.1. Công trình chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2022 nhưng còn phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

Biểu 07: Danh mục các công trình chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2022 nhưng còn phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý thực hiện dự án
A	**Công trình cấp trên**		
1	Đất xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Chư Mố (chuyển đổi công năng từ đất giáo dục sang)	0,14	Kế hoạch 2022 chuyển sang
2	Đất xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ia Kdăm (chuyển đổi công năng từ đất giáo dục sang)	0,15	Kế hoạch 2022 chuyển sang
3	Đất xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ia Broăi	0.10	Văn bản số 1575/BC-CAH ngày 27/9/2022
4	Nhà làm việc BCHQS xã Ia Tul (trong trụ sở của UBND xã)	0,10	Kế hoạch 2021 chuyển sang
5	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Kdăm (trong trụ sở của UBND xã)	0,10	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 28/12/2021
6	Trụ sở Phòng cháy, chữa cháy	1,50	Văn bản số 1575/BC-CAH ngày 27/9/2022
1	Hồ chứa nước Ia Thul (bao gồm cả hồ chứa và công trình phụ trợ)	845,00	Công văn số 450/BQL-KHTĐ ngày 23/10/2020 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 8; Công văn số 450/BQL-KHTĐ ngày 23/10/2020 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 8;
B	**Công trình, dự án còn lại**		
1	Đường tràn qua thao trường huấn luyện huyện và khu sản xuất	1,40	Nghị quyết số 75; 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai
2	Chăn nuôi heo Công ty Farm Tech	14,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang

TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý thực hiện dự án
3	Dự án chăn nuôi heo Công ty TNHH Tấn Phát 2	33,05	Kế hoạch 2022 chuyển sang
4	Dự án chăn nuôi heo Công Ty TNHH Nam Việt Farm Gia Lai	20,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
5	Dự án đầu tư chăn nuôi heo (Công ty TNHH MTV My Anh Gia Lai Năm)	20,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
6	Dự án đầu tư chăn nuôi heo công ty TNHH Hùng Phát Farm	23,11	Kế hoạch 2022 chuyển sang
7	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Công ty TNHH Hùng Phát Farm	20,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
8	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Công ty TNHH chăn nuôi Đức Hoàn Một (2 vị trí)	33,70	Kế hoạch 2022 chuyển sang
9	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Công Ty TNHH Thịnh Phát Farm	14,90	Kế hoạch 2022 chuyển sang
10	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Công Ty TNHH Thịnh Phát Farm Một	20,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
11	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Công Ty TNHH Hùng Phát Farm (Plei Du)	38,57	Kế hoạch 2022 chuyển sang
12	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Công Ty CP chăn nuôi Minh Khang Gia Lai	22,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
13	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Công ty TNHH Lê Phát Farm Gia Lai	16,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
14	Dự án đầu tư chăn nuôi heoCông ty TNHH Hùng Phát Farm Một	70,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
15	Dự án đầu tư chăn nuôi heoCông ty TNHH Trọng Kiên Farm Gia Lai	13,91	Kế hoạch 2022 chuyển sang
16	Dự án đầu tư chăn nuôi heoCông ty TNHH Trọng Kiên Farm Một Gia Lai	14,22	Kế hoạch 2022 chuyển sang
17	Trang trại chăn nuôi Hoàng Quân Farm	20,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
18	Trang trại chăn nuôi heo thịt kết hợp chăm sóc, phát triển cây cao su-Cty TNHH MTV Chăn nuôi heo Trung Nguyên (nay là Công Ty CP NN Trường Hải)	70,00	Văn bản số 1091/UBND-KTTH ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh Gia Lai
19	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Pờ Tó 1 (Công ty TNHH MTV My Anh Gia Lai)	25,90	Kế hoạch 2021 chuyển sang
20	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Pờ Tó 2 (Công ty TNHH MTV My Anh Gia Lai)	29,00	Kế hoạch 2021 chuyển sang
21	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Pờ Tó 3 (Công ty TNHH MTV My Anh Gia Lai)	18,00	Kế hoạch 2021 chuyển sang
22	Dự án đầu tư chăn nuôi heo Pờ Tó 4 (Công ty TNHH MTV My Anh Gia Lai)	14,00	Kế hoạch 2021 chuyển sang

TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý thực hiện dự án
23	Dự án đầu tư Chăn nuôi Nắng Vàng	20,46	Kế hoạch 2022 chuyển sang
24	Dự án đầu tư Chăn nuôi Thảo Nguyên Vàng	24,85	Công văn 632/SCT-VP ngày 22/4/2022 của Sở Công thương; Công văn 02/CV-Cty TNV ngày 21/03/2022
25	Dự án chăn nuôi Công ty CB (2 vị trí)	30,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
26	Thuộc dự án chăn nuôi heo Công ty Xanh Gís (chuyển đổi từ đất cây HN khác sang đất NN khác)	11,60	Kế hoạch 2022 chuyển sang
27	Dự án trồng rừng sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp du lịch sinh thái (Công ty TNHH Bee Tree) kết hợp, không chuyển đổi mục đích diện tích đất rừng	49,00	Kế hoạch 2022 chuyển sang
28	Cụm công nghiệp huyện	30,00	Công văn 2173/VP-CNXS ngày 29/12/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai
28	Chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất phi NN khác, cây hàng năm khác	77,36	Văn bản số 2035/UBND-CNXD ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai chuyển sang Nông nghiệp khác (77,36 ha); hàng năm khác (680 ha) của Công Ty CP NN Trường Hải) trước đây là Cty TNHH MTV Chăn nuôi heo Trung Nguyên .
29	Kết hợp trồng cây cau su với cây ăn quả, cây lâu năm (Công Ty CP NN Trường Hải) trước đây là Cty TNHH MTV Chăn nuôi heo Trung Nguyên .	390,00	
30	Cho thuê đất xây dựng nhà hàng, khu vui chơi, xã, huyện (Công ty TNHH Trang Vy)	1,50	Kế hoạch 2022 chuyển sang
31	Dự án trồng rừng công ty TNHH MTV Khánh Sơn Gia Lai	407,00	Văn bản số 4562/SKHĐT-TTXTĐT ngày 31/12/2021 của Sở kế hoạch đầu tư
32	Dự án trồng rừng Thiên Sơn Công ty TNHH Lâm nghiệp Thiên Sơn.	251,00	Văn bản số 1035/SKHĐT-DN ngày 08/4/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư
33	Dự án trồng rừng Việt Stone ty TNHH Việt Stone Gia Lai	266,00	Đăng ký mới 2022 (Theo quyết định 382/QĐ-UBND ngày 9/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt mục kêu gọi đầu tư của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2025 (đợt 2)

1.2. Công trình chưa kêu gọi được đầu tư trong kế hoạch năm 2022 nhưng còn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

Biểu 08: Danh mục các công trình nằm trong các Quyết định kêu gọi đầu tư chưa thực hiện, được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2023

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích(ha)
1	Dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng	Toàn huyện	100,00
2	Dự án dân cư trung tâm huyện	Xã Kim Tân, Ia	9,90

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích(ha)
		Mrơn	
3	Dự án đầu tư xây dựng Chợ hạng II	Xã Ia Mrơn	2,96
4	Dự án đầu tư xây dựng Bến xe loại IV	Xã Ia Mrơn	1,45
5	Dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ	Xã Pờ Tó	10,0
6	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất phân bón vi sinh	Xã Pờ Tó	5,0
7	Dự án đầu tư nhà máy chế biến thuốc lá	Xã Pờ Tó	10,0
8	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn gia súc	Xã Pờ Tó	10,0

2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân (đăng ký mới):

2.1. Nhu cầu của tổ chức:

Đến hết ngày 31/12/2022 đã nhận được Đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện trong năm kế hoạch 2023 của các dự án như sau:

- Có 01 cơ quan (Công an huyện) đăng ký thực hiện 02 công trình đất An ninh theo Văn bản số 1575/BC-CAH ngày 27/9/2022.

- Giao đất cho các hộ theo dự án Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư xã Pờ Tó tại Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, diện tích 15 ha.

- Đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung - Krông Buk, diện tích 6,36 ha theo Công văn 1754/SCT- VP ngày 24/10/2022 của Sở Công Thương về góp ý Kế hoạch sử dụng đất huyện Ia Pa năm 2023.

- Dự án đường liên xã huyện Ia Pa (nhánh 1: Xã Ia Mrơn - xã Ia Trôk; nhánh 2: Xã Ia Mrơn - xã Ia Yeng; nhánh 3: Xã Ia Broăi - xã Chư Mố), diện tích 5,98 ha;

- Dự án đường nội thị huyện Ia Pa (đường Phạm Hồng Thái; đường Lê Hồng Phong; đường Nguyễn Văn Linh; đường Phan Đình Phùng; đường Trần Quốc Toản; đường Lê Lai; đường Lý Thái Tổ; đường Lê Lợi), diện tích 15,38 ha;

- Dự án trồng rừng sản xuất kết hợp chăn nuôi tại xã Pờ Tó, Chư Răng và Kim Tân theo Công văn 3085/CV-SKHĐT-TTXTĐT ngày 22/9/2022 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Gia Lai; Đơn đăng ký của Công ty TNHH MTV Gia Thái Lộc ngày 15/11/2022, diện tích 2.300 ha.

- Đất phục vụ cho thao trường xã Pờ Tó (làm vùng đệm sử dụng kết hợp từ đất rừng sản xuất, không chuyển đổi mục đích sử dụng đất), diện tích 20 ha.

- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất sông suối, sang đất bến bãi sân phơi đất vật liệu xây dựng (công Ty Xuân Hương), diện tích 2,0 ha;

- Chuyển mục đích sử dụng đất cây hàng năm khác, đất sông suối, sang bến bãi sân phơi đất vật liệu xây dựng (công Ty Toàn Thắng phát Gia Lai), diện tích 2,0 ha.

2.2. Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân:

Đến hết ngày 31/12/2022 đã nhận được Đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện trong năm kế hoạch 2023 với diện tích 8,26 ha. Cụ thể:

- Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất ở: 1,83 ha;

- Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở: 1,09 ha;

- Chuyển đất lúa kém hiệu quả, xen kẹt trong các khu dân cư sang đất ở: 4,04 ha;

- Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ, diện tích 2,3 ha tại xã Kim Tân và Chư Mố;

- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp khác: 2,20 ha.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất trồng cây lâu năm: 100 ha;

- Chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất nông nghiệp khác: 40 ha;

- Chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất trồng cây hàng năm khác: 100 ha;

- Chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang đất cây lâu năm: 3 ha;

III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021- 2025; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và nhu cầu sử dụng đất của các ban, ngành trên địa bàn huyện, các địa phương cấp xã năm 2023. Cân đối diện tích đất đai trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia Pa như sau:

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp năm 2022 là 79.893,68 ha;

Diện tích đất nông nghiệp năm 2023 là 79.042,76 ha;

Biểu 09: Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã, thị trấn	Đất nông nghiệp		
		Diện tích (ha)		So sánh KH 2023/HT 2022
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	
1	Xã Ia Trốk	1.821,16	1.817,62	-3,53
2	Xã Ia Mrơn	2.740,44	2.725,77	-14,67
3	Xã Kim Tân	4.436,71	4.425,09	-11,62

TT	Tên xã, thị trấn	Đất nông nghiệp		
		Diện tích (ha)		So sánh KH 2023/HT 2022
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	
4	Xã Chư Răng	4.143,31	4.141,91	-1,40
5	Xã Pờ Tó	12.213,92	12.126,52	-87,40
6	Xã Ia Broai	2.373,45	2.352,77	-20,68
7	Xã Ia Tul	24.713,70	24.302,70	-411,00
8	Xã Ia KDăm	10.786,50	10.761,27	-25,23
9	Xã Chư Mố	16.664,50	16.389,12	-275,38
	Cộng	**79.893,68**	**79.042,76**	**-850,91**

Biểu đồ 04: So sánh nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp các xã

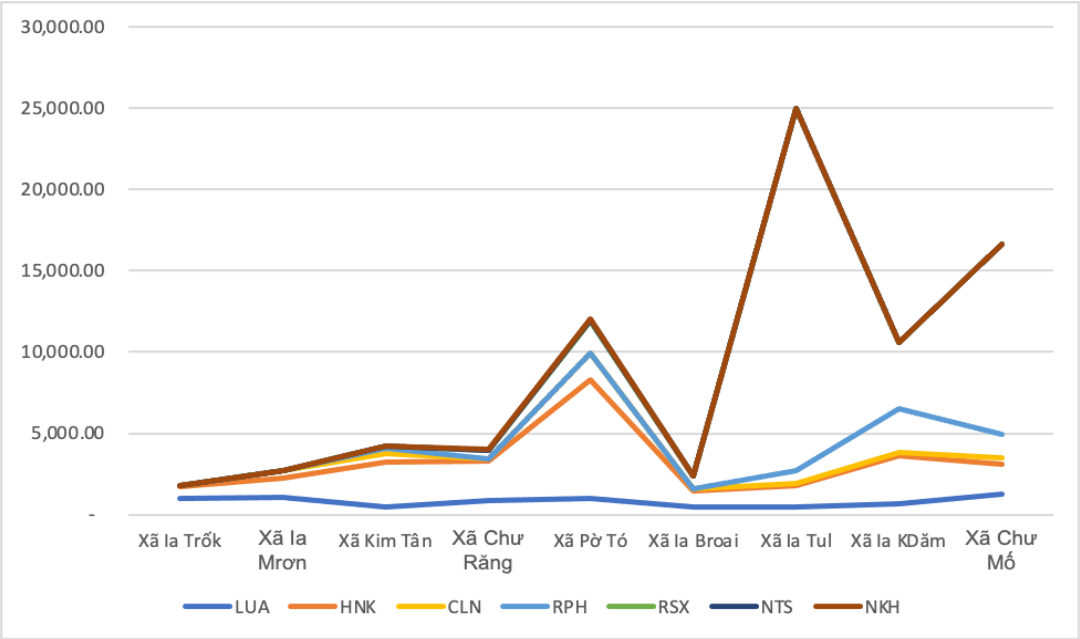

Trong đó:

3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa:

Diện tích đất trồng lúa năm 2022 là 7.228,32 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- *Diện tích thực giảm là 59,96 ha* để chuyển sang đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và đất ở nông thôn cụ thể như sau:

+ Chuyển 0,55 ha đất trồng lúa để thực hiện dự án đường tràn qua thao trường huấn luyện và khu sản xuất và Đường giao thông nội đồng thôn 2 (đoạn từ nghĩa địa đi khu sản xuất tại xã Pờ Tó theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của

HĐND tỉnh.

+ Chuyển 54,20 ha đất trồng lúa để thực hiện dự án Hồ thủy lợi Ia Thul tại xã Ia Tul (trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 21,76 ha; đất trồng lúa còn lại là 32,44 ha) theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa.

+ Chuyển 1,03 ha đất trồng lúa để thực hiện dự án Dự án đường liên xã huyện Ia Pa (nhánh 1: Xã Ia Mrơn - xã Ia Trôk; nhánh 2: Xã Ia Mrơn - xã Ia Yeng; nhánh 3: Xã Ia Broăi - xã Chư Mố) theo Nghị quyết 399/NQ-HĐND ngày 17/06/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư dự án đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

+ Chuyển 4,04 ha đất trồng lúa sang đất ở nông thôn nằm xen kẻ trong các khu dân cư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân.

Đất trồng lúa năm 2023 là 7.168,36 ha, chiếm 8,25% diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa nước là 3.473,44 ha;

+ Đất trồng lúa còn lại là 3.694,91 ha.

Biểu 10: Kế hoạch sử dụng đất trồng lúa phân theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất trồng lúa		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/ HT 2022
1	Xã Ia Trok	1.004,24	1.003,94	-0,30
2	Xã Ia Mrơn	1.048,74	1.048,07	-0,66
3	Xã Kim Tân	487,85	487,82	-0,03
4	Xã Chư Răng	845,27	844,77	-0,50
5	Xã Pờ Tó	1.004,95	1.001,40	-3,55
6	Xã Ia Broăi	452,04	447,43	-4,61
7	Xã Ia Tul	466,37	450,17	-16,20
8	Xã Ia Kdăm	1.252,77	1.229,09	-23,68
9	Xã Chư Mố	666,09	655,67	-10,42
	Cộng	**7.228,32**	**7.168,36**	**-59,96**

3.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác:

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác khác năm 2022 là 22.492,99 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- Diện tích thực giảm là 1.345,53 ha để chuyển sang các mục đích sau:

+ Chuyển sang đất nông nghiệp khác 646,17 ha để bố trí cho các dự án phát triển nông nghiệp khác trên địa bàn huyện theo nhu cầu đăng ký của doanh nghiệp

(phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai).

+ Chuyển sang đất phi nông nghiệp 699,36 ha, trong đó: Đất an ninh 1,60 ha *(Dự án xây dựng Trụ sở Phòng cháy, chữa cháy và Trụ sở làm việc Công an xã Ia Broăi);* Đất cụm công nghiệp 30 ha; Đất thương mại dịch vụ 2,0 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 35 ha; Đất khai thác vật liệu xây dựng 0,63 ha; Đất phát triển hạ tầng 572,95 ha *(gồm: Các dự án đất giao thông 17,81 ha; Công trình thuỷ lợi hồ chứa nước Ia Thul 546,65 ha; Đất năng lượng 4,22 ha; Đất chợ 2,97 ha*); Đất tôn giáo 1,29 ha; Đất danh lam, thắng cảnh 5,0 ha; Đất ở nông thôn 17,18 ha; Đất phi nông nghiệp khác 35 ha.

Đất trồng cây hàng năm khác 2023 là 21.146,51 ha, chiếm 24,35% diện tích tự nhiên.

Biểu 11: Kế hoạch sử dụng đất trồng cây hàng năm khác

TT	Tên xã, thị trấn	Đất trồng cây hàng năm khác		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trốk	707,62	704,87	-2,75
2	Xã Ia Mrơn	1.234,03	1.223,93	-10,10
3	Xã Kim Tân	2.948,33	2.812,85	-135,47
4	Xã Chư Răng	2.617,63	2.487,90	-129,73
5	Xã Pờ Tó	7.418,00	6.946,60	-471,41
6	Xã Ia Broai	1.017,39	1.002,44	-14,95
7	Xã Ia Tul	1.555,99	1.196,68	-359,31
8	Xã Ia KDăm	3.095,01	3.080,69	-14,32
9	Xã Chư Mố	1.898,98	1.691,50	-207,48
	Cộng	**22.492,99**	**21.147,46**	**-1.345,53**

3.1.3. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm:

Diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2022 là 3.835,22 ha;

- *Diện tích thực giảm là 18,54 ha* để chuyển sang mục đích đất chuyển sang đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và đất ở nông thôn như sau:

+ Chuyển 16,71 ha sang đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã *(trong đó: 8,07 ha sang đất phát triển hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa; 6,15 ha sang đất phát triển hạ tầng giao thông; 2,5 ha sang đất phát triển hạ tầng năng lượng của dự án Đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung - Krông Buk).*

+ Chuyển 1,83 ha sang đất ở nông thôn trong các khu dân cư hiện hữu phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân.

- Diện tích thực tăng là 0 ha.

Đất trồng cây lâu năm năm 2023 là 3.816,86 ha, chiếm 4,39% diện tích tự nhiên.

Biểu 12: Kế hoạch sử dụng đất trồng cây lâu năm theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất trồng cây lâu năm		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/ HT 2022
1	Xã Ia Trok	109,29	108,82	-0,47
2	Xã Ia Mrơn	440,67	436,77	-3,90
3	Xã Kim Tân	525,43	522,14	-3,29
4	Xã Chư Răng	111,03	110,70	-0,33
5	Xã Pờ Tó	1.708,90	1.708,12	-0,78
6	Xã Ia Broăi	120,68	119,56	-1,12
7	Xã Ia Tul	173,15	171,64	-1,51
8	Xã Ia Kdăm	223,11	222,68	-0,43
9	Xã Chư Mố	422,97	416,25	-6,72
	Cộng	**3.835,22**	**3.816,68**	**-18,54**

3.1.4. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng phòng hộ:

Diện tích đất rừng phòng hộ năm 2022 là 5.168,40 ha;

Đất rừng phòng hộ năm 2023 là 5.168,40 ha không thay đổi so với hiện trạng 2022, chiếm 5,95 % diện tích tự nhiên.

3.1.5. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất:

Diện tích đất rừng sản xuất năm 2022 là 41.041,19 ha;

- Diện tích thực giảm là 72,99 ha để chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển 72,98 ha đất có rừng tự nhiên nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai để chuyển sang đất phát triển hạ tầng thủy lợi của hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa.

+ Chuyển 0,10 ha đất có rừng tự nhiên nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai để chuyển sang đất năng lượng cho Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020.

- Diện tích thực tăng là 0 ha. (Các dự án trồng rừng của Công ty TNHH MTV

Khánh Sơn Gia Lai theo Văn bản số 4562/SKHĐT-TTXTĐT ngày 31/12/2021 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Gia Lai; Công ty TNHH Lâm nghiệp Thiên Sơn theo Công văn số 1035/SKHĐT-DN ngày 08/04/2022 của Sở Kế hoạch đầu tư; Dự án trồng rừng Việt Stone ty TNHH Việt Stone Gia Lai theo Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 9/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt mục kêu gọi đầu tư của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2025 và Dự án trồng rừng sản xuất kết hợp chăn nuôi tại xã Pờ Tó, Chư Răng và Kim Tân của Công ty TNHH MTV Gia Thái Lộc theo Công văn 3085/CV-SKHĐT-TTXTĐT ngày 22/9/2022 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Gia Lai, Đơn đăng ký của Công ty TNHH MTV Gia Thái Lộc ngày 15/11/2022, theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai là các dự án giao đất, cho thuê đất để trồng rừng trong phần diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai).

Đất rừng sản xuất năm 2023 là 40.968,19 ha, chiếm 47,17% diện tích tự nhiên, trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 23.742,66 ha, chiếm 58,01% diện tích đất rừng sản xuất.

Biểu 13: Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất rừng sản xuất (ha)			Đất rừng phòng hộ (ha)		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022	HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trok	-	(0,00)	0,00	-	-	-
2	Xã Ia Mrơn	3,77	3,77	0,00	-	-	-
3	Xã Kim Tân	155,12	155,12	0,00	299,73	299,73	-
4	Xã Chư Răng	556,06	556,05	0,00	4,11	4,11	-
5	Xã Pờ Tó	1.997,88	1.997,88	0,00	-	-	-
6	Xã Ia Broăi	783,10	783,10	0,00	-	-	-
7	Xã Ia Tul	21.757,77	21.722,29	-35,48	760,42	760,42	-
8	Xã Ia Kdăm	4.122,35	4.122,35	0,00	2.679,49	1.424,65	-
9	Xã Chư Mố	11.665,13	11.627,63	-37,50	1.424,65	2.679,49	-
	Cộng	**41.041,19**	**40.968,19**	**-72,99**	**5.168,40**	**5.168,40**	**-**

3.1.6. Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản:

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 là 43,33 ha;

- *Diện tích thực tăng là 0 ha*;

- *Diện tích thực giảm là 0,06 ha* để chuyển sang đất phát triển hạ tầng thủy lợi của hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa;

Đất nuôi trồng thủy sản năm 2023 là 43,27 ha, chiếm 0,05% diện tích tự nhiên.

Biểu 14: Kế hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất nuôi trồng thủy sản (ha)		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	So sánh KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trok	-	-	-
2	Xã Ia Mrơn	2,91	2,91	-
3	Xã Kim Tân	14,91	14,91	-
4	Xã Chư Răng	9,21	9,21	-
5	Xã Pờ Tó	15,86	15,86	-
6	Xã Ia Broăi	-	-	-
7	Xã Ia Tul	-	-	-
8	Xã Ia Kdăm	0,44	0,38	-0,06
9	Xã Chư Mố	-	-	-
	Cộng	**43,33**	**43,27**	**-0,06**

3.1.7. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp khác:

Đất nông nghiệp khác năm 2022 là 84,23 ha;

- *Diện tích thực tăng là 646,17* ha lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để bố trí cho các dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao (phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai).

- *Diện tích thực giảm là 0 ha;*

Đất nông nghiệp khác của huyện năm 2023 diện tích là 730,40 ha, chiếm 0,84% diện tích đất tự nhiên.

Biểu 15: Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp khác theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất nông nghiệp khác		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/ HT 2022
1	Xã Ia Trok	-	-	-
2	Xã Ia Mrơn	10,31	10,31	-
3	Xã Kim Tân	5,36	132,53	127,17
4	Xã Chư Răng	-	129,16	129,16
5	Xã Pờ Tó	68,32	456,66	388,34
6	Xã Ia Broăi	0,24	0,24	-
7	Xã Ia Tul	-	1,50	1,50
8	Xã Ia Kdăm	-	-	-
9	Xã Chư Mố	-	-	-
	Cộng	**84,23**	**730,40**	**646,17**

3.2. Chỉ tiêu sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp.

Căn cứ vào nguồn lực đầu tư để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023, tiến độ triển khai thực hiện dự án, công trình đã thực hiện và chưa thực hiện trong các năm 2019, 2020 và 2021; Căn cứ vào đề xuất nhu cầu của các cơ quan, ban ngành, doanh nghiệp, UBND các xã cũng như đăng ký nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của nhân dân. Chỉ tiêu sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp cho năm Kế hoạch 2023 của huyện Ia Pa phân bổ như sau:

Biểu 16: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất phi nông nghiệp		
		Diện tích (ha)		So sánh KH 2023/HT 2022
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	
1	Xã Ia Trok	425,71	429,24	3,53
2	Xã Ia Mrơn	435,38	450,05	14,67
3	Xã Kim Tân	425,15	436,77	11,62
4	Xã Chư Răng	286,16	287,56	1,40
5	Xã Pờ Tó	878,72	966,12	87,40
6	Xã Ia Broăi	311,87	334,98	23,10
7	Xã Ia Tul	360,26	777,75	417,50
8	Xã Ia Kdăm	463,27	488,65	25,38
9	Xã Chư Mố	412,78	700,32	287,54
	Cộng	**3.999,30**	**4.871,44**	**872,14**

Trong đó:

3.2.1. Đất quốc phòng:

Diện tích đất quốc phòng năm 2022 là 27,71 ha;

- *Diện tích thực tăng là 0,20 ha,* để xây dựng Nhà là việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Tul và xã Ia Kdăm, chu chuyển từ đất trụ sở của UBND xã. Đối với Thao trường xã Pờ Tó mở rộng 20 ha được sử dụng kết hợp với đất rừng sản xuất, nên không thu hồi, không chuyển mục đích sử dụng.

- *Diện tích thực giảm là 0 ha;*

Diện tích đất quốc phòng năm 2023 là 27,91 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên.

3.2.2. Đất an ninh:

Diện tích đất an ninh năm 2022 là 3,11 ha;

- *Diện tích thực tăng là 1,89 ha*, được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác (1,60 ha); Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (0,29 ha) để xây dựng Trụ sở Phòng cháy, chữa cháy và Mở rộng Trụ sở công an xã Ia Broăi, xã Ia Kdăm, xã Chư Mố.

- *Diện tích thực giảm là 0 ha;*

Diện tích đất an ninh năm 2023 là 5,0 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

Biểu 17: Kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh theo đơn vị cấp xã

TT	Tên xã	Đất quốc phòng			Đất an ninh		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022	HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trok	-	-	-	0,20	0,20	0,00
2	Xã Ia Mrơn	-	-	-	2,28	2,28	0,00
3	Xã Kim Tân	7,20	7,20	-	0,10	1,60	1,50
4	Xã Chư Răng	-	-	-	0,09	0,09	0,00
5	Xã Pờ Tó	20,37	20,37	-	0,10	0,10	0,00
6	Xã Ia Broăi	-	-	-	0,10	0,20	0,10
7	Xã Ia Tul	-	0,10	0,10	0,10	0,10	0,00
8	Xã Ia Kdăm	-	-	-	-	0,28	0,28
9	Xã Chư Mố	-	0,10	0,10	0,14	0,15	0,01
	Cộng	**27,71**	**27,91**	**20,20**	**3,11**	**5,00**	**1,89**

3.2.3. Đất cụm công nghiệp:

Diện tích đất cụm công nghiệp năm 2022 là 0 ha;

- *Diện tích thực tăng là 30 ha,* lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để bố trí thu hút đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp huyện tại xã Pờ Tó.

Diện tích đất cụm công nghiệp năm 2023 là 30 ha;

3.2.4. Đất thương mại dịch vụ:

Diện tích đất thương mại, dịch vụ năm 2022 là 2,01 ha;

- *Diện tích thực tăng 2,0 ha* lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để bố trí dự án chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ tại xã Kim Tân, xã Ia Mrơn.

- *Diện tích thực giảm là 0 ha.*

Diện tích đất thương mại dịch vụ năm 2023 là 4,01 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

Biểu 18: Kế hoạch sử dụng đất TMDV theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất thương mại, dịch vụ		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/ HT 2022
1	Xã Ia Trok	-	-	-
2	Xã Ia Mrơn	0,58	2,08	1,50
3	Xã Kim Tân	0,35	0,85	0,50
4	Xã Chư Răng	0,24	0,24	-
5	Xã Pờ Tó	0,37	0,37	-
6	Xã Ia Broăi	0,16	0,16	-
7	Xã Ia Tul	0,12	0,12	-

TT	Tên xã	Đất thương mại, dịch vụ		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/ HT 2022
8	Xã Ia Kdăm	0,13	0,13	-
9	Xã Chư Mố	0,06	0,06	-
	Cộng	**2,01**	**4,01**	**2,00**

3.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2022 là 104,68 ha;

- Diện tích thực tăng 35 ha, lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để bố trí cho các dự án nằm trong danh mục kêu gọi đầu tư theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 03/08/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

+ Công ty phân vi sinh 5,0 ha tại xã Pờ Tó;

+ Dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ, diện tích 10 ha;

+ Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thuốc lá, diện tích 10 ha;

+ Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, diện tích 10 ha;

- *Diện tích thực giảm là 0 ha.*

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2023 là 139,68 ha, chiếm 0,16% diện tích đất tự nhiên.

Biểu 19: Kế hoạch sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (ha)		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	So sánh KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trok	-	-	-
2	Xã Ia Mrơn	1,10	1,10	-
3	Xã Kim Tân	0,40	0,40	-
4	Xã Chư Răng	2,08	2,08	-
5	Xã Pờ Tó	101,03	136,03	35,00
6	Xã Ia Broăi	0,06	0,06	-
7	Xã Ia Tul	-	-	-
8	Xã Ia Kdăm	-	-	-
9	Xã Chư Mố	-	-	-
	Cộng	**104,68**	**139,68**	**35,00**

3.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2022 là 38,53 ha. Kế hoạch năm 2023 giữ nguyên không thay đổi.

3.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm:

Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm năm 2022 là 12,88 ha;

- *Diện tích thực tăng là 4,63 ha*, được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác (0,63 ha); đất sông suối (4,0 ha) để bố trí dự án:

+ Bến bãi sân phơi đất vật liệu xây dựng (công Ty Cổ phần Nhi Hoàng Hưng), diện tích 0,63 ha;

+ Bến bãi sân phơi đất vật liệu xây dựng (công Ty Toàn Thắng Phát Gia Lai), diện tích 2ha;

+ Bến bãi sân phơi đất vật liệu xây dựng (công Ty Xuân Hương), diện tích 2 ha;

- *Diện tích thực giảm là 0 ha;*

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm năm 2023 là 17,51 ha, chiếm 0,02% diện tích đất tự nhiên.

Biểu 20: Kế hoạch sử dụng Đất cho hoạt động khoáng sản và Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (ha)			Đất vật liệu xây dựng, gốm sứ (ha)		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022	HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trok	-	-	-	7,33	9,96	2,63
2	Xã Ia Mrơn	-	-	-	-	-	-
3	Xã Kim Tân	-	-	-	-	-	-
4	Xã Chư Răng	-	-	-	-	-	-
5	Xã Pờ Tó	38,50	38,50	-	-	-	-
6	Xã Ia Broăi	-	-	-	-	-	-
7	Xã Ia Tul	-	-	-	0,50	2,50	2,0
8	Xã Ia Kdăm	-	-	-	-	-	-
9	Xã Chư Mố	-	-	-	5,05	5,05	-
	Cộng	**38,50**	**38,50**	**-**	**12,88**	**17,51**	**4,63**

3.2.8. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Diện tích đất phát triển hạ tầng các cấp năm 2022 là 1.028,86 ha;

- *Diện tích thực tăng là 884,09 ha*, lấy từ đất trồng lúa (55,92 ha); đất trồng cây hàng năm khác (572,95 ha); đất trồng cây lâu năm (16,71 ha); đất có rừng tự nhiên nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai (72,99 ha); đất nuôi trồng thủy

sản (0,06 ha); đất ở nông thôn (5,36 ha); đất trụ sở cơ quan (0,03 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (130,63 ha); đất chưa sử dụng (14,23 ha).

- Diện tích thực giảm là 0 ha;

Diện tích đất phát triển hạ tầng các cấp năm 2023 là 1.897,45 ha, chiếm 2,18% diện tích tự nhiên.

Biểu 21: Kế hoạch sử dụng đất phát triển hạ tầng theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2022/ HT 2021
1	Xã Ia Trok	98,07	101,29	3,22
2	Xã Ia Mrơn	160,46	175,57	15,12
3	Xã Kim Tân	124,02	132,45	8,43
4	Xã Chư Răng	85,06	85,81	0,75
5	Xã Pờ Tó	247,26	250,75	3,50
6	Xã Ia Broăi	50,47	73,91	23,44
7	Xã Ia Tul	55,38	522,70	467,32
8	Xã Ia Kdăm	104,75	119,71	14,96
9	Xã Chư Mố	103,41	435,26	331,85
	Cộng	**1.028,86**	**1.897,45**	**868,59**

Trong đó:

a) Đất phát triển giao thông:

Diện tích đất giao thông năm 2022 là 827,56 ha;

Diện tích thực tăng so với năm 2022 là 7,04 ha, được lấy từ đất trồng lúa nước (0,55 ha); đất trồng cây hàng năm khác (6,49 ha). Diện tích tăng để xây dựng các công trình sau:

* Các dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch 2022:

- Đường tràn qua thao trường huấn luyện và khu sản xuất xã Pờ Tó;

* Các dự án đăng kí mới năm 2023:

- Đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai theo Nghị quyết 339/NQ-HĐND ngày 17/06/2021 về chủ trương đầu tư dự án đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, gồm 03 nhánh: nhánh 1: Xã Ia Mrơn - xã Ia Trôk; nhánh 2: Xã Ia Mrơn - xã Ia Yeng; nhánh 3: Xã Ia Broăi - xã Chư Mố, diện tích 2,33 ha.

- Dự án đường nội thị huyện Ia Pa (đường Phạm Hồng Thái; đường Lê Hồng Phong; đường Nguyễn Văn Linh; đường Phan Đình Phùng; đường Trần Quốc Toản; đường Lê Lai; đường Lý Thái Tổ; đường Lê Lợi), diện tích 15,38 ha.

Diện tích thực giảm so với năm 2022 là 15,15 ha để chuyển sang đất phát triển

hạ tầng thủy lợi của Dự án hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 450/BQL-KHTĐ ngày 23/10/2020 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 8.

Đất phát triển giao thông năm 2023 là 840,80 ha, chiếm 0,97% diện tích tự nhiên.

b) Đất thủy lợi:

Diện tích đất thủy lợi năm 2022 là 64,67 ha;

Diện tích tăng so với năm 2022 là 844,69 ha, lấy từ đất trồng lúa (54,20 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 21,76 ha); đất trồng cây hàng năm khác (546,65 ha); đất trồng cây lâu năm (8,07 ha); đất rừng sản xuất (72,98 ha, là đất có rừng tự nhiên nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai); đất nuôi trồng thủy sản (0,06 ha); đất phát triển hạ tầng các cấp (15,21 ha); đất ở nông thôn (2,63 ha); đất trụ sở cơ quan (0,03 ha); đất sông suối (130,63 ha); đất chưa sử dụng (14,23 ha) để xây dựng công trình thuỷ lợi hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 450/BQL-KHTĐ ngày 23/10/2020 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 8.

Đất thủy lợi năm 2023 là 909,36 ha, chiếm 1,05% diện tích tự nhiên.

c) Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2023 không thay đổi so với năm 2022.

Đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2023 là 7,61 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

d) Đất xây dựng cơ sở y tế:

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế năm 2023 không thay đổi so với năm 2022.

Đất cơ sở y tế năm 2023 là 5,31 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

e) Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo:

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục năm 2022 là 37,30 ha;

- Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo năm thực tăng là 0 ha;

- Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo năm thực giảm là 0,35 ha để chuyển sang đất Trụ sở công an xã (0,29 ha); đất xây dựng công trình thuỷ lợi hồ chứa nước Ia Thul (0,06 ha) theo Công văn số 450/BQL-KHTĐ ngày 23/10/2020 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 8.

Đất cơ sở giáo dục năm 2023 là 36,95 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên.

f) Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

Đất xây dựng thể dục thể thao năm 2023 không thay đổi so với năm 2022.

Đất thể dục thể thao năm 2023 là 14,89 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên.

g) Đất công trình năng lượng:

Diện tích đất năng lượng năm 2022 là 0,01 ha;

Diện tích tăng so với năm 2022 là 6,74 ha, lấy từ đất trồng cây hàng năm khác (4,22 ha); đất trồng cây lâu năm (2,50 ha); đất trống quy hoạch rừng sản xuất (0,01 ha) để bố trí cho các dự án đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung - Krông Buk; Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020.

Đất công trình năng lượng năm 2023 là 6,75 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

h) Đất công trình bưu chính viễn thông:

Năm 2023, diện tích đất sử dụng cho công trình bưu chính viễn thông không thay đổi so với năm 2022.

Đất công trình bưu chính viễn thông năm 2023 là 0,48 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

i) Đất di tích lịch sử văn hóa:

Huyện không có chỉ tiêu sử dụng đất này.

k) Đất bãi thải, xử lý chất thải:

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2022 là 6,32 ha;

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2023 thông không thay đổi so với năm 2022.

l) Đất cơ sở tôn giáo:

Diện tích đất cơ sở tôn giáo năm 2022 là 2,88 ha;

Diện tích tăng so với năm 2022 là 1,29 ha, lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để bố trí giao đất cho Giáo xứ Plơi R'Ngol Ama Drung.

Diện tích đất cơ sở tôn giáo năm 2023 là 4,17 ha;

m) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ:

Diện tích đất nghĩa trang nghĩa địa năm 2023 là 60,89 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

i) Đất chợ:

Diện tích đất chợ năm 2022 là 0,93 ha;

- *Diện tích thực tăng là 2,96 ha*, lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để bố trí dự án Dự án đầu tư xây dựng chợ (hạng II) theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 03/08/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

- *Diện tích thực giảm là 0 ha;*

Diện tích đất chợ năm 2022 là 3,90 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

3.2.9. Đất danh lam thắng cảnh

Diện tích đất danh lam thắng cảnh năm 2022 là 0 ha;

- *Diện tích thực tăng 12 ha,* được chu chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác (5 ha); đất chưa sử dụng (7,0 ha) để thực hiện Dự án du lịch kết hợp trồng cây nông lâm nghiệp tại khu vực núi Chư Mố (tổng diện tích dự án là 37 ha, trong đó có 25 ha sử dụng với mục đích kết hợp rừng sản xuất).

- *Diện tích thực giảm là 0 ha;*

Diện tích đất danh lam thắng cảnh năm 2022 là 12 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

3.2.10. Đất sinh hoạt cộng đồng:

Năm 2023, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng không thay đổi so với năm 2022.

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2023 là 0,05 ha.

3.2.11. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng.

Năm 2023, không bố trí chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng.

3.2.12. Đất ở tại nông thôn:

Diện tích đất ở nông thôn năm 2022 là 720,57 ha;

- *Diện tích thực tăng là 23,05 ha*, lấy từ đất trồng lúa (4,04 ha); đất trồng cây hàng năm khác (17,18 ha); đất trồng cây lâu năm (1,83 ha) để bố trí các dự án:

Dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022:

+ Dự án đấu giá quyền sử dụng đất ở tại đường Trần Hưng Đạo *(Đoạn Kpă KLơng đến Trần Quang Khải khu Quy hoạch trung tâm huyện); đường Hùng Vương (Đoạn đối diện khu QH công viên cây xanh Khu Quy hoạch trung tâm huyện)*, diện tích 0,798 ha.

Dự án đăng ký mới:

+ Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư xã Pờ Tó, diện tích 15 ha.

+ Dự án đăng kí chuyển mục đích sử dụng đất ở trong các khu dân cư hiện hữu phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai tại 09 xã, diện tích 6,96 ha;

- *Diện tích thực giảm là 5,36 ha* để chuyển sang đất phát triển hạ tầng giao thông (2,73 ha); hạ tầng thủy lợi của dự án hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa (2,63 ha).

Diện tích đất ở nông thôn năm 2023 là 734,56 ha, chiếm 0,85% diện tích tự nhiên.

Biểu 22: Kế hoạch sử dụng đất ở nông thôn theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất ở tại nông thôn		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2022/ HT 2021
1	Xã Ia Trok	130,05	129,73	-0,32

TT	Tên xã	Đất ở tại nông thôn		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2022/ HT 2021
2	Xã Ia Mrơn	137,62	137,18	-0,44
3	Xã Kim Tân	71,25	72,44	1,19
4	Xã Chư Răng	40,23	40,88	0,65
5	Xã Pờ Tó	164,97	183,87	18,90
6	Xã Ia Broăi	33,57	32,20	-1,36
7	Xã Ia Tul	36,38	35,34	-1,04
8	Xã Ia Kdăm	57,08	57,35	0,27
9	Xã Chư Mố	49,43	49,28	-0,15
	Cộng	**720,57**	**738,26**	**17,69**

3.2.13. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2022 là 21,12 ha;

- *Diện tích thực tăng là 0 ha;*

- *Diện tích thực giảm là 0,23 ha* để chuyển sang đất quốc phòng 0,20 ha (trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Ia Tul và Ia Kdăm); đất phát triển hạ tầng thủy lợi 0,03 ha của dự án hồ chứa nước Ia Tul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2023 là 20,89 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên.

3.2.14. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Năm 2023, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 2,37 ha, không thay đổi so với năm 2022.

Biểu 23: Kế hoạch sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022	HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trok	0,82	0,82	-	-	-	-
2	Xã Ia Mrơn	6,78	6,78	-	0,68	0,68	-
3	Xã Kim Tân	5,61	5,61	-	1,42	1,42	-
4	Xã Chư Răng	2,86	2,86	-	-	-	-
5	Xã Pờ Tó	0,95	0,95	-	0,28	0,28	-
6	Xã Ia Broăi	0,75	0,75	-	-	-	-
7	Xã Ia Tul	0,85	0,72	-0,13	-	-	-

TT	Tên xã	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022	HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
8	Xã Ia Kdăm	1,88	1,78	-0,01	-	-	-
9	Xã Chư Mố	0,62	0,62	-	-	-	-
	Cộng	**21,12**	**20,89**	**-0,23**	**2,37**	**2,37**	**0,00**

3.2.15. Đất cơ sở tín ngưỡng:

Năm 2023, không bố trí chỉ tiêu đất cơ sở tín ngưỡng.

3.2.16. Đất có mặt nước chuyên dùng:

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2023 là 17,36 ha không thay đổi so với hiện trạng năm 2022, chiếm 0,02% diện tích đất tự nhiên.

3.2.17. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2022 là 2.020,06 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- Diện tích thực giảm là 134,63 ha để chuyển sang đất đất phát triển hạ tầng thủy lợi của dự án hồ chứa nước Ia Tul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa (130,63 ha); chuyển sang đất vật liệu xây dựng (4,0 ha).

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2022 là 1.885,43 ha, chiếm 2,17% diện tích đất tự nhiên.

Biểu 24: Kế hoạch sử dụng Đất có mặt nước chuyên dùng và Đất sông, suối theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối			Đất có mặt nước chuyên dùng		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022	HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trok	186,81	184,81	(2,00)	2,43	2,43	-
2	Xã Ia Mrơn	123,57	123,57	-	2,28	2,28	-
3	Xã Kim Tân	214,80	214,80	-	-	-	-
4	Xã Chư Răng	154,67	154,67	-	0,94	0,94	-
5	Xã Pờ Tó	340,10	340,10	-	3,26	3,26	-
6	Xã Ia Broăi	224,96	220,88	(4,08)	1,81	1,81	-
7	Xã Ia Tul	263,80	193,05	(70,75)	3,13	3,13	-
8	Xã Ia Kdăm	297,99	297,99	-	1,44	1,44	-
9	Xã Chư Mố	213,36	155,56	(57,80)	2,08	2,08	-

TT	Tên xã	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối			Đất có mặt nước chuyên dùng		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022	HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
	Cộng	**2.020,06**	**1.885,43**	**(134,63)**	**17,36**	**17,36**	**-**

3.2.18. Đất phi nông nghiệp khác:

Diện tích đất phi nông nghiệp khác năm 2022 là 0 ha;

- Diện tích thực tăng là 35 ha để bố trí cho các dự án thành phần của thủy lợi Ia Tul, gồm:

+ Bãi chứa vật liệu và mặt bằng công trình khu tưới huyện Ia Pa, diện tích 5 ha tại xã Ia Broăi; 10 ha tại xã Ia Tul; 10 ha tại xã Ia Kdăm.

+ Bãi vật liệu A, diện tích 5 ha tại xã Ia Tul;

+ Bãi vật liệu B, diện tích 5 ha tại xã Ia Tul;

Đất phi nông nghiệp khác năm 2023 là 35 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên.

Biểu 25: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp khác theo đơn vị cấp xã

TT	Tên xã	Đất phi nông nghiệp khác		
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Broăi	-	5,00	5,00
2	Xã Ia Tul	-	20,00	20,00
3	Xã Chư Mố	-	10,00	10,00
	Cộng	**-**	**35,00**	**35,00**

3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 là 2.966,56 ha;

- Diện tích thực tăng là 0 ha;

- Diện tích thực giảm là 21,23 ha để chuyển sang đất phát triển hạ tầng (14,23 ha); Đất danh lam thắng cảnh (7,0 ha);

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2023 còn lại là 2.945,33 ha, chiếm 3,39% diện tích đất tự nhiên.

Biểu 26: Kế hoạch sử dụng đất chưa sử dụng theo đơn vị hành chính cấp xã

TT	Tên xã	Đất chưa sử dụng		
		Diện tích (ha)		So sánh
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
1	Xã Ia Trok	0,78	0,78	-
2	Xã Ia Mrơn	10,11	10,11	-
3	Xã Kim Tân	23,22	23,22	-

TT	Tên xã	Đất chưa sử dụng		
		Diện tích (ha)		So sánh
		HT, 2022	Kế hoạch 2023	KH 2023/HT 2022
4	Xã Chư Răng	26,95	26,95	-
5	Xã Pờ Tó	240,63	240,63	-
6	Xã Ia Broăi	26,41	23,99	-2,42
7	Xã Ia Tul	1.668,34	1.661,84	-6,50
8	Xã Ia Kdăm	152,91	152,76	-0,15
9	Xã Chư Mố	817,21	805,05	-12,16
	Cộng	**2.966,56**	**2.945,33**	**-21,23**

Biểu 27: So sánh chỉ tiêu sử dụng đất của năm KH2023 với QH 2030 [8]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Quy hoạch 2030		Kế hoạch năm 2023		So sánh 2023/2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	**Đất nông nghiệp**	**80.009,71**	**92,11**	**79.042,76**	**91,00**	**966,94**	**98,79**
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	8.155,05	9,39	7.168,36	8,25	986,70	87,90
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*4.206,91*	*4,84*	3.473,44	*4,00*	*733,46*	*82,57*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	10.866,34	12,51	21.147,46	24,35	-10.281,12	51,38
1.3	Đất trồng cây lâu năm	5.944,74	6,84	3.816,68	4,39	2.128,06	64,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	21.556,81	24,82	5.168,40	5,95	16.388,40	23,98
1.6	Đất rừng sản xuất	32.238,36	37,12	40.968,19	47,17	-8.729,84	78,69
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*23.799,09*	*27,40*	23.742,66	*27,33*	56,43	*99,76*
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	41,33	0,05	43,27	0,05	-1,93	95,53
1.8	Đất nông nghiệp khác	1.207,07	1,39	730,40	0,84	476,67	60,51
2	**Đất phi nông nghiệp**	**6.581,77**	**7,58**	**4.871,44**	**5,61**	**1.710,33**	**74,01**
2.1	Đất quốc phòng	52,29	0,06	27,91	0,03	24,38	53,38
2.2	Đất an ninh	3,63	0,00	5,00	0,01	-1,37	137,61
2.4	Đất cụm công nghiệp	75,00	0,09	30,00	0,03	45,00	40,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	30,55	0,04	4,01	0,00	26,54	13,12
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	54,12	0,06	139,68	0,16	-85,56	258,09
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	43,50	0,05	38,53	0,04	4,97	88,58
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	110,76	0,13	17,51	0,02	93,25	15,81

[8] Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Quy hoạch 2030		Kế hoạch năm 2023		So sánh 2023/2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.336,78	3,84	1.897,45	2,18	1.439,33	56,86
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	73,86	0,09	12,00	0,01	61,86	16,25
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,88	0,01	0,05	0,00	6,83	0,74
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	36,26	0,04	-	-	36,26	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	746,74	0,86	738,26	0,85	8,48	98,86
2.14	Đất ở tại đô thị	182,87	0,21	-	-	182,87	0,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	19,17	0,02	20,89	0,02	-1,72	109,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	3,64	0,00	2,37	0,00	1,27	65,19
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.655,28	1,91	1.885,43	2,17	-230,15	87,79
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	17,36	0,02	17,36	0,02	0,00	100,00
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	133,09	0,15	35,00	0,04	98,09	26,30
3	**Đất chưa sử dụng**	**268,07**	**0,31**	**2.945,33**	**3,39**	**(2.677,27)**	**9,10**

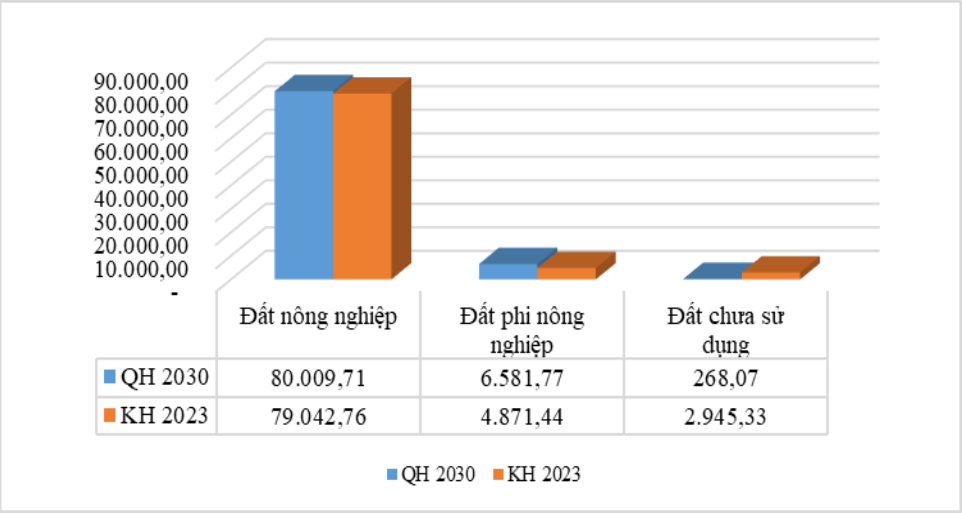

Biểu đồ 05: So sánh chỉ tiêu sử dụng đất của năm KH2023 với QH 2030

IV. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH:

Trong năm kế hoạch 2023, tổng diện tích đất chuyển mục đích là 850,91 ha để phục vụ cho các công trình, dự án. Cụ thể như sau:

1. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp

Trong năm kế hoạch 2023, tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 850,91 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển 59,96 ha để chuyển sang các mục đích:

+ Chuyển 0,55 ha đất trồng lúa để thực hiện dự án đường tràn qua thao trường huấn luyện và khu sản xuất và Đường giao thông nội đồng thôn 2 (đoạn từ nghĩa địa đi khu sản xuất tại xã Pờ Tó theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh.

+ Chuyển 54,20 ha đất trồng lúa để thực hiện dự án Hồ thủy lợi Ia Thul tại xã Ia Tul (trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 21,76 ha; đất trồng lúa còn lại là 32,44 ha) theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa.

+ Chuyển 1,03 ha đất trồng lúa để thực hiện dự án Dự án đường liên xã huyện Ia Pa (nhánh 1: Xã Ia Mrơn - xã Ia Trôk; nhánh 2: Xã Ia Mrơn - xã Ia Yeng; nhánh 3: Xã Ia Broăi - xã Chư Mố) theo Nghị quyết 399/NQ-HĐND ngày 17/06/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư dự án đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

+ Chuyển 4,04 ha đất trồng lúa sang đất ở nông thôn nằm xen kẻ trong các khu dân cư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển 1.345,53 ha sang các mục đích:

+ Chuyển sang đất nông nghiệp khác 646,17 ha để bố trí cho các dự án phát triển nông nghiệp khác trên địa bàn huyện theo nhu cầu đăng ký của doanh nghiệp (phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai).

+ Chuyển sang đất phi nông nghiệp 699,36 ha, trong đó: Đất an ninh 1,60 ha (Dự án xây dựng Trụ sở Phòng cháy, chữa cháy và Trụ sở làm việc Công an xã Ia Broăi); Đất cụm công nghiệp 30 ha; Đất thương mại dịch vụ 2,0 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 35 ha; Đất khai thác vật liệu xây dựng 0,63 ha; Đất phát triển hạ tầng 572,95 ha *(gồm: Các dự án đất giao thông 17,81 ha; Công trình thuỷ lợi hồ chứa nước Ia Thul 546,65 ha; Đất năng lượng 4,22 ha; Đất chợ 2,97 ha*); Đất tôn giáo 1,29 ha; Đất danh lam, thắng cảnh 5,0 ha; Đất ở nông thôn 17,18 ha; Đất phi nông nghiệp khác 35 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển 18,54 ha chuyển sang mục đích:

+ Chuyển 8,07 ha đất trồng cây lâu năm sang đất phát triển hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa;

+ Chuyển 6,36 ha đất trồng cây lâu năm sang đất phát triển hạ tầng năng lượng của dự án Đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung - Krông Buk.

+ Chuyển 1,83 ha sang đất ở nông thôn trong các khu dân cư hiện hữu phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất rừng sản xuất chuyển 72,99 ha để thực hiện dự án:

+ Chuyển 72,98 ha đất có rừng tự nhiên nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai để chuyển sang đất phát triển hạ tầng thủy lợi của hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa.

+ Chuyển 0,10 ha đất có rừng tự nhiên nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai để chuyển sang đất năng lượng cho Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển 0,06 ha để chuyển sang đất phát triển hạ tầng thủy lợi của hồ chứa nước Ia Thul theo Công văn số 435/BQL-KHĐT ngày 30/9/2021 của Ban quản lý đầu tư thủy lợi 8 về việc đăng ký dự án Hồ chứa nước Ia Thul vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa.

2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Không.

Biểu 28: Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 (quy định tại điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
			Xã Ia Trok	Xã Ia Mrơn	Xã Kim Tân	Xã Chư Răng	Xã Pờ Tó	Xã Ia Broăi	Xã Ia Tul	Xã Chư Mố	Xã Ia Kdăm
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**850,91**	**3,53**	**14,67**	**11,62**	**1,40**	**87,40**	**20,68**	**411,00**	**275,38**	**25,23**
1.1	Đất trồng lúa	59,96	0,31	0,67	0,03	0,50	3,55	4,61	16,20	23,68	10,42
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*25,80*	*0,07*	*0,01*	*0,03*	*0,50*	*3,00*	*4,47*	*16,20*	*0,61*	*0,91*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	699,36	2,75	10,10	8,30	0,57	83,07	14,95	357,81	207,48	14,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	18,54	0,47	3,90	3,29	0,33	0,78	1,12	1,51	6,72	0,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	72,99	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	35,48	37,50	0,00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	0,06	-	-	-	-	-	-	-	-	0,06
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

V. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI:

Để thực hiện các dự án nhằm phát triển Kinh tế - Xã hội, kế hoạch năm 2023 cần thu hồi 998,45 ha, trong đó đất nông nghiệp là 850,91ha; đất phi nông nghiệp là 147,54 ha để chuyển sang các công trình, dự án khác nhau. Cụ thể ở bảng dưới đây:

Biểu 29: Diện tích cần thu hồi năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
			Xã Ia Trok	Xã Ia Mrơn	Xã Kim Tân	Xã Chư Răng	Xã Pờ Tó	Xã Ia Broăi	Xã Ia Tul	Xã Chư Mố	Xã Ia Kdăm
1	**Đất nông nghiệp**	**850,91**	**3,53**	**14,67**	**11,62**	**1,40**	**87,40**	**20,68**	**411,00**	**275,38**	**25,23**
1.1	Đất trồng lúa	59,96	0,31	0,67	0,03	0,50	3,55	4,61	16,20	23,68	10,42
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*25,80*	*0,07*	*0,01*	*0,03*	*0,50*	*3,00*	*4,47*	*16,20*	*0,61*	*0,91*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	699,36	2,75	10,10	8,30	0,57	83,07	14,95	357,81	207,48	14,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	18,54	0,47	3,90	3,29	0,33	0,78	1,12	1,51	6,72	0,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	72,99	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	35,48	37,50	0,00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	0,06	-	-	-	-	-	-	-	-	0,06
2	**Đất phi nông nghiệp**	**147,54**	**2,41**	**1,17**	**0,38**	**0,00**	**0,00**	**6,86**	**76,46**	**58,18**	**1,97**
2.1	Đất phát triển hạ tầng các cấp	7,32	-	-	-	-	-	1,32	4,04	-	1,96
2.2	Đất ở tại nông thôn	5,36	0,41	1,17	0,38	0,00	0,00	1,46	1,54	0,38	0,01
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,23	-	-	-	-	-	-	0,13	-	0,10
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	134,63	2,00	-	-	-	-	4,08	70,75	57,80	-

VI. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG:

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành cần khai thác 21,23 ha đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp, cụ thể:

Biểu 30: Diện tích chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)								
			Xã Ia Trok	Xã Ia Mrơn	Xã Kim Tân	Xã Chư Răng	Xã Pờ Tó	Xã Ia Broăi	Xã Ia Tul	Xã Chư Mố	Xã Ia Kdăm
1	**Đất nông nghiệp**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2	**Đất phi nông nghiệp**	**21,23**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2,42**	**6,50**	**12,16**	**0,15**
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	14,23	-	-	-	-	-	2,42	6,50	5,16	0,15
2.2	Đất danh lam thắng cảnh	7,00	-	-	-	-	-	-	-	7,00	-

V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023:

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023. Bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của cấp huyện, cấp xã. Cụ thể:

1. Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch:

- Đất xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ia Broăi (0,10 ha);

- Trụ sở Phòng cháy, chữa cháy huyện (1,50 ha);

- Dự án Hồ chứa nước Ia Thul (bao gồm cả hồ chứa và công trình phụ trợ), diện tích 845 ha;

- Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020, diện tích 0,80 ha;

- Dự án đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung - Krông Buk, diện tích 6,36 ha;

- Dự án Đường tràn qua thao trường huấn luyện huyện và khu sản xuất, diện tích 1,50 ha;

- Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư xã Pờ Tó, diện tích 15 ha;

- Dự án đường liên xã huyện Ia Pa (nhánh 1: Xã Ia Mrơn - xã Ia Trôk), diện tích 2,33 ha;

- Dự án đường liên xã huyện Ia Pa (nhánh 2: Xã Ia Mrơn - xã Ia Yeng) , diện tích 1,10 ha;

- Dự án đường liên xã huyện Ia Pa (nhánh 3: Xã Ia Broăi - xã Chư Mố) , diện tích 2,55 ha;

- Dự án đường nội thị huyện Ia Pa (đường Phạm Hồng Thái; đường Lê Hồng Phong; đường Nguyễn Văn Linh; đường Phan Đình Phùng; đường Trần Quốc Toản; đường Lê Lai; đường Lý Thái Tổ; đường Lê Lợi) , diện tích 15,38 ha;

2. Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh: Không

(Cụ thể danh mục các công trình, dự án tại Bảng 07 phần phụ lục kèm theo).

VI. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2023:

1. Căn cứ pháp lý hình thành các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2023:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 15/05/2015 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định 45/2015/NĐ-CP ngày 15/05/2015 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 15/05/2015 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định 47/2015/NĐ-CP ngày 15/05/2015 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 37/2015/TT-BTNMT-BTC ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh Bảng giá đất, định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

- Quyết định 55/2019/QĐ-UBND, ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về Ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai;

2. Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2023:

- Dự kiến các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất; cho thuê đất; chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế liên quan đến đất đai.

- Dự kiến các khoản chi về đất bao gồm: Chi cho việc bồi thường khi thu hồi đất, hỗ trợ và tái định cư.

Biểu 31: Ước tính thu chi từ đất cho năm Kế hoạch 2023[9]

TT	Nội dung	Diện tích (ha)	Giá đất (triệu đồng/m2)	Tổng số tiền (tỷ đồng)	Địa điểm
I	**CÁC KHOẢN THU TỪ ĐẤT**			**28,25**	
I.1	**Thu tiền khi giao đất ở tại nông thôn**	**0,8**		**2,51**	
1	Đấu giá đường Hùng Vương	0,21	0,0576	1,21	Xã Kim Tân
2	Đấu giá đường Trần Hưng Đạo	0,59	0,0221	1,30	Xã Ia Trok
I.2	**Thu tiền khi Chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở tại nông thôn**	**661,31**		**25,74**	
1	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất	3,12	0,017	5,30	Các xã

[9] Không tính phần thu chi của các công trình, dự án cấp trên như: Thủy lợi Ia Thul, Trụ sở phòng cháy chữa cháy, đường dây 500kv Tuabin khí miền Trung-Krông Buk; …

TT	Nội dung	Diện tích (ha)	Giá đất (triệu đồng/m2)	Tổng số tiền (tỷ đồng)	Địa điểm
	ở				
2	Chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở	1,09	0,017	1,85	Các xã
3	Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở	1,83	0,017	3,11	Các xã
4	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ	0,50	0,017	0,85	Các xã
5	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang làm bến bãi, sân phơi trong khai thác đất khoáng sản vật liệu xây dựng	8,10	0,017	13,77	Xã Ia Tul, xã Chư Mố, xã Ia Trôk
6	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ thuộc tờ bản đồ số 06,15	0,50	0,017	0,85	Xã Kim Tân
II	**CÁC KHOẢN CHI ĐỀN BÙ TỪ ĐẤT**	**31,73**		**27,75**	
	Tiền đền bù đất trồng lúa	2,22	0,014	3,11	Các xã
	Tiền đền bù đất trồng cây hàng năm khác	19,91	0,009	17,92	Các xã
	Tiền đền bù đất trồng cây lâu năm	6,87	0,007	4,81	Các xã
	Tiền đền bù đất ở tại nông thôn	2,73	0,007	1,91	Các xã
	CÂN ĐỐI THU CHI (I-II)			**0,51**	

- Tổng thu từ đất khoảng 28,25 tỷ đồng, gồm thu từ việc giao đất ở nông thôn thông qua đấu giá (2,51 tỷ đồng), thu từ việc chuyển mục đích sử dụng đất (25,74 tỷ đồng).

- Tổng chi từ đất khoảng 27,75 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng,… trong đó tập trung chủ yếu các dự án lớn như: Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư (thu hồi, chuyển mục đích 15 ha); Dự án đường liên xã huyện Ia Pa (2,33 ha); Dự án cụm công nghiệp (thu hồi, chuyển mục đích 35 ha);...

- Cân đối thu - chi các khoản có liên quan đến đất là +0,51 tỷ đồng.

PHẦN IV
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội bằng việc thực hiện chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường nhằm xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp và đảm bảo phát triển bền vững; Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác quản lý môi trường, triển khai đồng bộ, kịp thời việc đầu tư công trình xử lý rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt;

- Trong quá trình sử dụng đất phải thường xuyên cải tạo để nâng cao độ phì nhiêu của đất; sử dụng đất một cách tiết kiệm và hiệu quả; Hạn chế việc cày, xới bề mặt đất tại những vùng đất dốc (nhất là trong thời gian mùa mưa);

- Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn, chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước. Kiên quyết xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp không có trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố danh mục được phép), không đảm bảo chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ theo Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Sử dụng đất tiết kiệm diện tích bề mặt, khai thác triệt để không gian, phát triển kết cấu hạ tầng. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Khai hoang, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất. Bảo vệ tầng đất canh tác khi chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp.

- Đẩy mạnh trồng rừng mới, khoanh nuôi, tái sinh rừng để phủ xanh đất trống đồi núi trọc bao gồm rừng phòng hộ, rừng sản xuất để bảo vệ đất, môi trường sinh thái, nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt. Xây dựng và bảo vệ hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn các sông, hồ lớn, đặc biệt, đối với phần diện tích có thực trạng thoái hóa nặng việc quy hoạch sử dụng đất cần ưu tiên mục tiêu cải tạo và bảo vệ đất, môi trường và tùy điều kiện cụ thể từng nơi có thể đưa các loại hình sử dụng đất có hiệu quả về cải tạo và bảo vệ đất môi trường như cây lâu năm, rừng trồng; phục hồi và trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn, cụm công nghiệp,...

- Khuyến khích khai hoang, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục

đích nông nghiệp, phi nông nghiệp nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất tự nhiên trên địa bàn huyện.

- Huyện cần triển khai đồng bộ, kịp thời việc thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật; Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên đất; Thông qua hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên đất, quan trắc môi trường để đánh giá kịp thời, chính xác và kiểm soát được chất lượng đất và môi trường cũng như mức độ ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí.

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT:

- Kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất công; đất do công ty nông, lâm nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức nhà nước khác quản lý, sử dụng; đất quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng; đất sử dụng đa mục tiêu; tích tụ, tập trung đất nông nghiệp.

- Về kế hoạch phát triển quỹ đất theo hướng đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, khu trung tâm huyện, thực hiện dồn điền, đổi thửa, thu hồi đất dọc theo các hướng tuyến hạ tầng giao thông theo phương pháp tiếp cận định hướng phát triển theo hạ tầng giao thông (TOD) để khai thác, sử dụng hiệu quả tiềm năng đất đai tại các vùng có lợi thế.

- Về ưu tiên phát triển, cần ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung phát triển các hạ tầng then chốt, có sức lan tỏa lớn; đáp ứng quỹ đất cho phát triển đô thị Ia Pa trong tương lai cũng như cho các ngành công nghiệp, dịch vụ trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới.

- Cho phép chuyển đổi những diện tích đất trồng lúa tại những khu vực bị hạn hán, ngập lụt để chuyển sang các mục đích khác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

III. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT:

** Đối với đất sản xuất nông nghiệp:*

- Tiếp tục rà soát, xác định rõ ranh giới, cắm mốc và công khai đến từng đơn vị hành chính cấp xã các khu vực đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ cần bảo vệ nghiêm ngặt. Hạn chế tới mức thấp nhất việc chuyển đất đang trồng lúa sang các mục đích phi nông nghiệp.

- Khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp chuyển đổi diện tích cây trồng không có hiệu quả sang trồng màu, hoa, cây ăn quả. Khuyến khích dồn điền, đổi thửa. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức xây dựng các công trình đầu mối, nhà xưởng, kho bảo quản trong chế biến, thu mua sản phẩm nông nghiệp.

- Hỗ trợ và khuyến khích thúc đẩy cơ giới hóa ở các vùng có điều kiện, lựa chọn công nghệ phù hợp với quy mô nhỏ, hộ gia đình, trang trại như: thiết bị dụng cụ làm đất, thu hoạch, tưới tiêu, sấy bảo quản, chế biến xay nghiền, vận chuyển cơ giới..., nhằm

giảm tổn thất sau thu hoạch và chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

** Đối với đất phi nông nghiệp:*

- Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp sạch, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông thuỷ lợi,...; Khuyến khích các cơ sở sản xuất ngành nhề, làng nghề nông thôn ký kết hợp đồng nguyên liệu với người trồng rừng.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập trung trang trại, gia trại theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm. Khuyến khích liên kết các khâu trong chuỗi giá trị, cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Quy hoạch chi tiết hệ thống cơ sở hạ tầng cần đầu tư tại các cánh đồng lớn. Khuyến khích các nhà đầu tư và ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, điện sản xuất tại các cánh đồng lớn.

** Giải pháp về thủy lợi:* Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống thuỷ lợi để tăng hiệu quả phục vụ, chủ động ứng phó với BĐKH. Tập trung xây dựng mới công trình thủy lợi Ia Thul. Thực hiện bê tông hóa hệ thống kênh tưới tiêu để giảm tổn thất nước cho cây lúa, phấn đấu có trên 50% diện tích trồng mía, cây có thâm canh được áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm.

** Giải pháp về chuyển đổi cơ cấu cây trồng:*

- Sử dụng đất trong các dự án phải có phương án an toàn về môi trường, hoàn trả hiện trạng mặt đất sau khi kết thúc dự án. Giao đất theo đúng tiến độ khả năng khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất. Tạo điều kiện cho nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất sản xuất nông nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên diện tích đất canh tác.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi một phần diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả, thường xuyên bị hạn hán xảy ra sang trồng bắp, hoa màu khác có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và phù hợp với nhu cầu thị trường (*Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch thực hiện quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa giai đoạn 2014 - 2020 của tỉnh Gia Lai*). Thực hiện hỗ trợ chi phí giống bắp không quá 3 triệu đồng/ha đối với diện tích chuyển đổi (*theo quy định tại Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô tại vùng Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung bộ và Tây nguyên*); hỗ trợ vốn vay thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo các quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP, Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

** Giám sát thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023:*

- Chỉ đạo rà soát, thống kê diện tích đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do Ủy ban nhân dân các xã quản lý để tổ chức quản lý, điều hành theo đúng quy hoạch kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Tổ chức ra soát danh mục các dự án trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm và diện tích đất phải chuyển mục đích sử dụng đất đã được công bố mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng để tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban đại diện tỉnh điều chỉnh hủy bỏ hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.

IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC:

Về chính sách tài chính đất đai: Điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các xã. Mặt khác, trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, tránh việc chú trọng quá mức đến việc khai thác quỹ đất, tổ chức đấu giá để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dẫn đến giá đất bị đẩy lên cao, không thu hút được đầu tư, quỹ đất dành cho các mục đích công cộng, sinh hoạt, vui chơi, rèn luyện thể chất của cộng đồng dân cư bị thu hẹp. Cần có rà soát, đánh giá hiệu quả việc khai thác quỹ đất quá mức, tạo môi trường thu hút đầu tư, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với các mục tiêu an sinh xã hội, tạo môi trường sống hài hòa, bền vững cho người dân.

Về quản lý sử dụng đất: Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn trong sản xuất nông nghiệp; Có các biện pháp cụ thể để khai thác có hiệu quả diện tích đất hoang hóa ven sông, hạn chế lũ lụt như hiện nay; Cần có chính sách khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

Chính sách đối với phát triển hạ tầng: Cơ chế tạo quỹ đất để thu hút đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Có các giải pháp và chính sách cụ thể bảo đảm quỹ đất cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao; Có chính sách đầu tư hạ tầng đối với quỹ đất ít có khả năng nông nghiệp để làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và phát triển khu dân cư mới nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp;

Các giải pháp chính sách khác:

- Cơ quan Tài nguyên và môi trường huyện và cán bộ địa chính xã có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất và cung cấp thông tin có liên quan cho chủ sử dụng đất để thực hiện;

- Tăng cường đầu tư để đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai;

- Giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, bố trí việc làm để ổn định đời sống cho các hộ khi

bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng Luật đất đai;

- Đẩy nhanh tốc độ cấp GCNQSD đất; theo sát sự biến động do chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa hiện thực hóa định hướng sử dụng đất trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2030, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị, đồng thời là công cụ quan trọng để cho UBND huyện Ia Pa thực hiện việc quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật. Cụ thể như sau:

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa đã đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2022, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã cụ thể hoá các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2021-2025. Việc bố trí đất đai phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của tỉnh Gia Lai và thể hiện nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch của các ngành, các xã trên địa bàn huyện. Đảm bảo kế thừa kết quả quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo Quyết định Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai; kế thừa kết quả của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo Quyết định 453/QĐ-UBND ngày 13/07/2022 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia Pa; trên cơ sở đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và được xử lý cụ thể, chi tiết trên thực địa và bản đồ đảm bảo phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện nên tính khả thi của Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tương đồng với các dự án đầu tư có sử dụng đất. Đảm bảo việc quản lý chặt chẽ sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch và kế hoạch, nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn huyện;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023 của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa đã "Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh".

II. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, UBND huyện Ia Pa kiến nghị:

1. Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện và thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện là "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện" (khoản 3 Điều 45) nhằm nâng cao trách nhiệm trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai.

2. Đề nghị UBND tỉnh Gia Lai xem xét, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa để Ủy ban nhân dân huyện có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai địa phương.

BIỂU SỐ LIỆU

Biểu 01/KH: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia Pa;

Biểu 02/KH: Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia Pa;

Biểu 03/KH: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa;

Biểu 04/KH: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa;

Biểu 05/KH: Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 của huyện Ia Pa;

Biểu 06/KH: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 của huyện Ia Pa;

Biểu 07/KH: Danh mục công trình năm 2023 của huyện Ia Pa;

Biểu 08/KH: Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia Pa